

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Văn Hồng Ngọc

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC LẬP VÀ PHÂN TÍCH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ
VẬN TẢI TÂN THUẬN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Văn Hồng Ngọc**

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Phương Thảo Mã SV: 1012401251

Lớp: QT1401K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tân Thuận

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (*về lý luận, thực tiễn, các số liệu...*).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1/ Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp	3
1.1.1/ Khái niệm và sự cần thiết của Báo cáo tài chính (BCTC) trong công tác quản lý kinh tế	3
1.1.1.1/ Khái niệm Báo cáo tài chính:	3
1.1.1.2/ Sự cần thiết của BCTC trong công tác quản lý kinh tế	3
1.1.2/ Mục đích, vai trò của Báo cáo tài chính	4
1.1.2.1/ Mục đích của Báo cáo tài chính	4
1.1.2.2/ Vai trò của Báo cáo tài chính	4
1.1.3/ Đối tượng áp dụng của BCTC	5
1.1.4/ Yêu cầu của Báo cáo tài chính	5
1.1.5/ Nguyên tắc cơ bản lập và trình bày Báo cáo tài chính	6
1.1.6/ Hệ thống BCTC của DN	8
1.1.6.1/ Hệ thống Báo cáo tài chính: (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	8
1.1.6.2. Hệ thống BCTC (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)	9
1.1.6.3/ Trách nhiệm lập Báo cáo tài chính	9
1.1.6.4/ Kỳ lập Báo cáo tài chính	10
1.1.6.5/ Thời hạn nộp Báo cáo tài chính	10
1.1.6.6/ Nơi nộp Báo cáo tài chính	11
1.2/ Bảng cân đối kế toán và phương pháp lập Bảng cân đối kế toán	12
1.2.1/ Bảng cân đối kế toán và kết cấu của Bảng cân đối kế toán	12
1.2.1.1/ Khái niệm Bảng cân đối kế toán (BCĐKT)	12
1.2.1.2/ Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán	12
1.2.1.3/ Kết cấu và nội dung của Bảng cân đối kế toán theo quyết định 48	13
1.2.2/ Cơ sở số liệu, trình tự, phương pháp lập Bảng cân đối kế toán (B01-DNN) ..	18
1.2.2.1/ Cơ sở số liệu lập Bảng cân đối kế toán	18
1.2.2.2/ Trình tự lập Bảng cân đối kế toán (B01-DNN):	18
1.2.2.3/ Phương pháp lập Bảng cân đối kế toán (B01-DNN)	19
1.3/ Phân tích bảng Cân đối kế toán (BCĐKT).	27

1.3.1/ Nhiệm vụ và phương pháp phân tích bảng CĐKT	27
1.3.1.1/ Nhiệm vụ phân tích bảng CĐKT	27
1.3.1.2/ Phương pháp phân tích bảng CĐKT	27
1.3.2/ Nội dung phân tích của Bảng CĐKT	29
1.3.2.1/ Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu chủ yếu trên Bảng CĐKT	29
1.3.2.2/ Phân tích tình hình tài chính của DN thông qua các tỷ số tài chính cơ bản.	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BCĐKT TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI TÂN THUẬN	33
2.1. Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	33
2.1.1/ Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	33
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh:	33
2.1.3. Thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	33
2.1.4/ Thành tích của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	34
2.1.5/ Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	35
2.1.6/ Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	36
2.1.6.1/ Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	36
2.1.6.2/ Hình thức kế toán, các chính sách kế toán áp dụng tại công ty.....	38
2.1.6.3./ Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	39
2.2/ Thực tế công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	39
2.2.1/ Nguồn số liệu	39
2.2.2/ Trình tự lập bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	39
2.2.2.1/ Quy trình lập bảng cân đối kế toán của công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	39
2.2.2.2/ Nội dung lập bảng cân đối kế toán của công ty	39
2.2.2/ Thực tế công tác phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	65

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI TÂN THUẬN.....	66
3.1/ Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích bảng cân đối kế toán nói riêng tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	66
3.1.1/ Những ưu điểm đã đạt được trong công tác kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	66
3.1.2/ Những hạn chế trong công tác kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	67
3.2/ Một số biện pháp hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	68
3.2.1/ Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác lập và phân tích BCDKT.	68
3.2.2/ Những ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận	69
3.2.2.1/ Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện công tác lập Bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận theo thông tư 138/2011/TT-BTC.....	69
3.2.2.2/ Ý kiến thứ 2: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận nên thực hiện công tác phân tích Bảng cân đối kế toán.....	73
3.2.2.3/ Ý kiến thứ 3- Công ty nên mạnh dạn đi vay để mở rộng quy mô hoạt động	82
3.2.2.4/ Ý kiến thứ 4- Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán	83
KẾT LUẬN	90
DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Quy trình lập Bảng cân đối kế toán	19
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận	35
Sơ đồ 2.2 - Cơ cấu phòng kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận	37
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKC tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	38
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ tổng hợp các bút toán kết chuyển tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận.....	53

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 1.1. Mẫu BCĐKT	15
Biểu số 1.2: BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN	30
Biểu số 1.3. BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN	31
Biểu 2.1: Một số chỉ tiêu kinh tế của công ty trong 2 năm gần đây	34
Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng.....	41
Biểu số 2.3: Phiếu chi.....	42
Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung	43
Biểu 2.5: Sổ cái 642	44
Biểu 2.6: Sổ cái TK 133	45
Biểu 2.7: Sổ cái 111	46
Biểu 2.8: Sổ quỹ tiền mặt.....	47
Biểu số 2.9: Trích sổ cái TK 131 năm 2013	49
Biểu số 2.10: BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG	50
Biểu số 2.11: trích sổ cái TK 331 năm 2013.....	51
Biểu 2.12: Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán	52
Biểu 2.13: Bảng cân đối số phát sinh 2013.....	55
Biểu số 2.14: Bảng Cân đối kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận lập ngày 31/12/2013.....	62
Biểu 3.1: Bảng cân đối kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận được lập lại theo tinh thần sửa đổi của thông tư 138/2011/TT-BTC.....	70
Biểu 3.2: BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN	75
Biểu số 3.3: BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CỦA NGUỒN VỐN	78
Biểu số 3.4 : Bảng phân tích chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	80

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1. BCTC:	Báo cáo tài chính
2. QĐ-BTC:	Quyết định của Bộ tài chính
3. BTC:	Bộ tài chính
4. ND-CP:	Nghị định của Chính phủ
5. TT-BTC:	Thông tư của Bộ Tài chính
6. NVKTPS:	Nghiệp vụ kinh tế phát sinh
7. TK:	Tài khoản
8. DN:	Doanh nghiệp
9. TS:	Tài sản
10.DNN:	Doanh nghiệp nhỏ
11.BCĐKT:	Bảng cân đối kế toán
12.VCSH:	Vốn chủ sở hữu
13.LNST:	Lợi nhuận sau thuế
14.TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
15.CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
16.VND:	Đồng Việt Nam
17.TSCĐ:	Tài sản cố định
18. SXKD:	Sản xuất kinh doanh
19.SDDK:	Số dư đầu kỳ
20.SDCK:	Số dư cuối kỳ

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ như hiện nay, kế toán đã trở thành công cụ đặc biệt quan trọng, bằng các hệ thống khoa học kế toán đã thể hiện được tính ưu việt của mình trong việc bao quát toàn bộ tình hình tài chính và quá trình sản xuất kinh doanh của công ty một cách đầy đủ, chính xác. Cũng giống như nhiều doanh nghiệp khác để hòa nhập với nền kinh tế thị trường, công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận luôn chú trọng công tác hạch toán kế toán sao cho ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt hơn.

Bảng cân đối kế toán có vai trò rất quan trọng, là báo cáo tổng hợp phản ánh tổng giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Bảng cân đối kế toán và việc phân tích tình hình tài chính sẽ giúp cho các doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm thấy rõ được thực trạng hoạt động tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận, nhận thấy công tác phân tích bảng cân đối kế toán của công ty chưa được tiến hành và quá trình lập bảng cân đối kế toán tại công ty còn gặp một số hạn chế nên công tác kế toán chưa cung cấp được đầy đủ thông tin phục vụ hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp dẫn đến nhà quản trị chưa đưa ra được các quyết định quản trị kịp thời, đúng đắn. Cộng thêm với việc nhận thức được tầm quan trọng của việc lập và phân tích bảng cân đối kế toán em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận”. Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1 : Một số lý luận chung về công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán trong doanh nghiệp.

Chương 2 : Thực trạng công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Chương 3 : Một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu của mình em xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc tới giảng viên, Thạc sỹ Văn Hồng Ngọc - Khoa Quản trị kinh doanh đã tận tình hướng dẫn em. Bên cạnh đó em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo, các anh chị nhân viên phòng tài chính- kế toán của công

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận và các thầy cô đã tạo điều kiện giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian và chuyên môn nên không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến chỉ bảo từ các thầy cô và Ban lãnh đạo công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày.... thángnăm 2014

Sinh viên

Phạm Thị Phương Thảo

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1/ Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp

1.1.1/ Khái niệm và sự cần thiết của Báo cáo tài chính (BCTC) trong công tác quản lý kinh tế

1.1.1.1/ Khái niệm Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính là báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, là nguồn cung cấp thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu về quản lý của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và nhu cầu của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế của mình.

Theo quy định hiện nay thì hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp Việt Nam bao gồm 4 loại sau:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

1.1.1.2/Sự cần thiết của BCTC trong công tác quản lý kinh tế

Các nhà quản trị muốn đưa ra được các quyết định kinh doanh đúng đắn thì phải căn cứ vào điều kiện hiện tại và những dự đoán về tương lai dựa trên những thông tin có liên quan đến quá khứ và kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp đã đạt được, các bảng này gọi là Báo cáo tài chính.

Xét trên tầm vi mô, nếu không thiết lập hệ thống Báo cáo tài chính thì khi phân tích tình hình tài chính hoặc tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Mặt khác, các nhà đầu tư, chủ nợ sẽ không có cơ sở để biết về tình hình tài chính của doanh nghiệp khiến họ khó có thể đưa ra các quyết định về hợp tác kinh doanh và nếu có các quyết định sẽ có rủi ro cao.

Xét trên tầm vĩ mô, nhà nước sẽ không thể quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các ngành nghề kinh tế.... khi không có BCTC. Điều này gây khó khăn cho nhà nước trong việc quản lý và điều tiết nền kinh tế thị trường.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Có thể nói rằng hệ thống BCTC là thực sự cần thiết trong công tác quản lý kinh tế

1.1.2/Mục đích, vai trò của Báo cáo tài chính

1.1.2.1/Mục đích của Báo cáo tài chính

BCTC dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền mặt và các thông tin tổng quát khác của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp. Để đạt được mục đích này BCTC phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về :

- > Tài sản (TS)
- > Nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu.
- > Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác.
- > Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh.
- > Thuế và các khoản nộp Nhà nước.
- > Tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán.
- > Các luồng tiền.

1.1.2.2/ Vai trò của Báo cáo tài chính

- BCTC cung cấp những chỉ tiêu kinh tế - tài chính cần thiết giúp cho việc kiểm tra một cách toàn diện và có hệ thống tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - tài chính chủ yếu của doanh nghiệp, tình hình chấp hành các chế độ kinh tế - tài chính của doanh nghiệp.

- BCTC cung cấp số liệu cần thiết để tiến hành phân tích hoạt động kinh tế - tài chính của doanh nghiệp, để nhận biết tình hình kinh doanh, tình hình kinh tế - tài chính nhằm đánh giá quá trình hoạt động, kết quả kinh doanh cũng như xu hướng vận động của doanh nghiệp để từ đó ra quyết định đúng đắn và có hiệu quả. Giúp cho việc kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn và khả năng huy động nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- BCTC cung cấp tài liệu tham khảo phục vụ cho việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư mở rộng hay thu hẹp phạm vi.

- BCTC cung cấp thông tin cho các chủ doanh nghiệp, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc,... về tiềm lực của doanh nghiệp, tình hình công nợ, tình hình thu chi tài chính, khả năng thanh toán, kết quả kinh doanh, để có quyết định về những công việc cần phải tiến hành, phương pháp tiến hành và kết quả có thể

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

đạt được.

- BCTC cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư, các chủ nợ, ngân hàng, về thực trạng tài chính, thực trạng sản xuất, kinh doanh, triển vọng thu nhập, khả năng thanh toán, nhu cầu về vốn của doanh nghiệp để quyết định hướng đầu tư, quy mô đầu tư, quyết định liên doanh, cho vay hay thu hồi vốn.

- BCTC cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng, cơ quan quản lý Nhà nước để kiểm soát tình hình kinh doanh của doanh nghiệp có đúng với các chính sách chế độ, đúng pháp luật không, để thu thuế và ra những quyết định cho những vấn đề xã hội.

- BCTC cung cấp các chỉ tiêu, các số liệu đáng tin cậy để tính ra các chỉ tiêu kinh tế khác nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả của các quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- BCTC là các căn cứ quan trọng trong việc phân tích nghiên cứu, phát hiện những khả năng tiềm tàng và là căn cứ quan trọng đề ra các quyết định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư vào doanh nghiệp của chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của doanh nghiệp.

- BCTC là căn cứ quan trọng để xây dựng các kế hoạch kinh tế - kỹ thuật, tài chính của doanh nghiệp, là căn cứ khoa học để đề ra hệ thống các biện pháp xác thực nhằm tăng cường quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp

1.1.3/Đối tượng áp dụng của BCTC

Hệ thống Báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc các ngành và các thành phần kinh tế. Riêng các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tuân thủ các quy định chung tại phần này và những quy định, hướng dẫn cụ thể phù hợp tại chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Một số trường hợp khác đặc biệt như ngân hàng, tổ chức tín dụng, công ty mẹ, tập đoàn, các đơn vị kế toán hạch toán phụ thuộc, việc lập và trình bày loại BCTC nào phải tuân thủ theo quy định riêng cho từng đối tượng.

1.1.4/ Yêu cầu của Báo cáo tài chính

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “ Trình bày báo cáo tài chính”, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Trung thực và hợp lý: để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính phải được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với quy định của từng chuẩn mực kế toán.
- BCTC phải được lập đúng nội dung, phương pháp trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán
- BCTC phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký tên, đóng dấu để đảm bảo tính pháp lý của BCTC. Trường hợp chưa có quy định ở chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, Doanh nghiệp phải căn cứ vào chuẩn mực chung để xây dựng các phương pháp kế toán hợp lý nhằm đảm bảo Báo cáo tài chính cung cấp được các thông tin thích hợp với nhu cầu ra các quyết định kinh tế của người sử dụng. Thông tin phải đáng tin cậy, trình bày khách quan, tuân thủ nguyên tắc thận trọng, đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu .
- Trường hợp không có chuẩn mực kế toán hướng dẫn riêng, khi xây dựng các phương pháp kế toán cụ thể, Doanh nghiệp cần xem xét đến những yêu cầu và hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán đề cập đến những vấn đề tương tự và có liên quan, những khái niệm, tiêu chuẩn, điều kiện xác định và ghi nhận đối với các tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí được quy định trong chuẩn mực chung,....

1.1.5/ Nguyên tắc cơ bản lập và trình bày Báo cáo tài chính

Cũng theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21, khi lập và trình bày BCTC phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

❖ **Hoạt động liên tục:**

Đòi hỏi khi lập và trình bày BCTC, giám đốc (người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. BCTC phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

❖ **Cơ sở dồn tích:**

Doanh nghiệp phải lập BCTC theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền.

Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và các BCTC có liên quan.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

❖ **Nhất quán:**

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong BCTC phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

- Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày BCTC cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện;
- Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong việc trình bày.

❖ **Trọng yếu và tập hợp:**

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong BCTC. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất của các khoản mục được đánh giá trong các tính huống cụ thể

❖ **Bù trừ:**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên báo cáo tài chính không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ. Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh liên quan từ các giao dịch và các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu.

Các tài sản và nợ phải trả, các khoản thu nhập và chi phí có tính chất trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt. Việc bù trừ các số liệu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc Bảng cân đối kế toán, ngoại trừ trường hợp việc bù trừ này phản ánh bản chất của giao dịch hoặc sự kiện được thể hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.

Doanh thu phải được đánh giá theo giá trị hợp lý của những khoản đã thu hoặc có thể thu được, trừ đi tất cả các khoản giảm trừ doanh thu. Trong hoạt động kinh doanh thông thường. Doanh nghiệp thực hiện các giao dịch khác không làm phát sinh doanh thu, nhưng có liên quan đến các hoạt động chính làm phát sinh doanh thu. Kết quả của các giao dịch này sẽ được trình bày bằng cách khấu trừ các khoản chi phí có liên quan phát sinh trong cùng một giao dịch vào khoản thu nhập tương ứng, nếu cách trình bày này phản ánh đúng bản chất của các giao dịch hoặc sự kiện đó.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh từ một nhóm các giao dịch tương tự sẽ được hạch toán theo giá trị thuần. Ví dụ các khoản lãi lỗ, chênh lệch tỷ giá, lãi lỗ phát sinh từ việc mua, bán công cụ tài chính vì mục đích thương mại.

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

❖ Có thể so sánh:

Các thông tin bằng số liệu trong BCTC nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong BCTC của kỳ trước. Các thông tin so sánh cần phải bao gồm các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều này là cần thiết giúp cho những người sử dụng hiểu rõ được BCTC của kỳ hiện tại

1.1.6/ Hệ thống BCTC của DN

1.1.6.1/ Hệ thống Báo cáo tài chính: (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

a) BCTC năm và BCTC giữa niên độ

* BCTC năm gồm:

- | | |
|--|---------------|
| -Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01-DN |
| -Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (KQHĐKD) | Mẫu số B02-DN |
| -Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03-DN |
| -Bản thuyết minh BCTC | Mẫu số B09-DN |

* BCTC giữa niên độ gồm giữa niên độ dạng đầy đủ và BCTC giữa niên độ dạng tóm lược

+BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ gồm:

- | | |
|---|-----------------|
| - Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng đầy đủ) | Mẫu số B 01a-DN |
| - Báo cáo KQHĐKD (dạng đầy đủ) | Mẫu số B 02a-DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (dạng đầy đủ) | Mẫu số B 03a-DN |
| - Bản thuyết minh BCTC (dạng đầy đủ) | Mẫu số B 09a-DN |

+ BCTC giữa niên độ dạng tóm lược gồm:

- | | |
|---|-----------------|
| - Bảng cân đối kế toán (dạng tóm lược) | Mẫu số B 01b-DN |
| - Báo cáo KQHĐKD (dạng tóm lược) | Mẫu số B 02b-DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (dạng tóm lược) | Mẫu số B 03b-DN |
| - Bản thuyết minh BCTC (dạng tóm lược) | Mẫu số B 09b-DN |

a) BCTC hợp nhất và BCTC tổng hợp

➤ BCTC hợp nhất gồm:

- | | |
|---------------------------------------|-------------------|
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | Mẫu số B 01-DN/HN |
| - Báo cáo KQHĐKD hợp nhất | Mẫu số B 02-DN/HN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | Mẫu số B 03-DN/HN |
| - Bản thuyết minh BCTC hợp nhất | Mẫu số B 09-DN/HN |

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

➤ BCTC tổng hợp gồm:

- | | |
|---------------------------------------|----------------|
| - Bảng cân đối kế toán tổng hợp | Mẫu số B 01-DN |
| - Báo cáo KQHĐKD tổng hợp | Mẫu số B 02-DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp | Mẫu số B 03-DN |
| - Bản thuyết minh BCTC tổng hợp | Mẫu số B 09-DN |

1.1.6.2. Hệ thống BCTC (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

a) BCTC quy định cho các DN nhỏ và vừa bao gồm:

➤ Báo cáo bắt buộc

- | | |
|-------------------------------------|----------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01-DNN |
| - Báo cáo KQHĐKD | Mẫu số B02-DNN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B09-DNN |

BCTC gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu sau:

- | | |
|-------------------------------|-----------------|
| - Bảng cân đối tài khoản (TK) | Mẫu số F-01/DNN |
|-------------------------------|-----------------|

➤ Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập

- | | |
|------------------------------|-----------------|
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B-03/DNN |
|------------------------------|-----------------|

Ngoài ra, để phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp có thể lập thêm các BCTC chi tiết khác.

Nội dung, phương pháp tính toán, hình thức trình bày các chỉ tiêu trong từng báo cáo quy định trong chế độ này được áp dụng thống nhất cho các DN nhỏ và vừa thuộc đối tượng áp dụng hệ thống BCTC này.

Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các DN có thể bổ sung, các chỉ tiêu cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lý của DN. Trường hợp có sửa đổi thì phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

1.1.6.3/ Trách nhiệm lập Báo cáo tài chính

Tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập và trình bày BCTC năm. Các công ty, Tổng công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc, ngoài việc phải lập BCTC năm của công ty, Tổng công ty còn phải lập thêm BCTC tổng hợp hoặc BCTC hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm dựa trên BCTC của các đơn vị kế toán trực thuộc công ty, Tổng công ty.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Các doanh nghiệp khác nếu tự nguyện nếu tự nguyện lập BCTC giữa niên độ thì lựa chọn dạng đầy đủ hoặc tóm lược.

Đối với Tổng công ty Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập BCTC tổng hợp hoặc BCTC hợp nhất giữa niên độ(*).

Công ty mẹ và tập đoàn ngoài việc lập BCTC hợp nhất giữa niên độ (*) và BCTC hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ còn phải lập BCTC hợp nhất sau khi hợp nhất kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 11 - “Hợp nhất kinh doanh”.

((*) Việc lập BCTC hợp nhất giữa niên độ được thực hiện từ năm 2008)

1.1.6.4/Kỳ lập Báo cáo tài chính

➤ Kỳ lập BCTC năm:

Doanh nghiệp phải lập BCTC theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập BCTC cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

➤ Kỳ lập BCTC giữa niên độ:

Kỳ lập BCTC giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính (không bao gồm quý IV).

➤ Kỳ lập BCTC khác

Doanh nghiệp có thể lập BCTC theo chu kỳ kế toán tháng khác (6 tháng, 9 tháng,...) theo yêu cầu của pháp luật, của công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu.

Đơn vị bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản phải lập BCTC tại thời điểm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

1.1.6.5/ Thời hạn nộp Báo cáo tài chính

1. Đối với doanh nghiệp Nhà nước:

- Thời hạn nộp BCTC quý chậm nhất là 20 ngày đối với các đơn vị kế toán và chậm nhất là 45 ngày đối với Tổng công ty Nhà nước kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

- Thời hạn nộp BCTC năm chậm nhất là 30 ngày đối với các đơn vị kế toán và chậm nhất là 90 ngày đối với Tổng công ty Nhà nước kể từ ngày kết thúc kỳ kế

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

toán năm.

2. Đối với các loại hình doanh nghiệp khác:

- Tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc đối tượng áp dụng hệ thống báo cáo tài chính này phải lập và gửi báo cáo tài chính năm theo đúng quy định của chế độ này.

- Đối với các công ty TNHH, công ty cổ phần và các hợp tác xã thời hạn gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh, thời hạn gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.6.6/ Nơi nộp Báo cáo tài chính

Các loại DN	kỳ lập	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan thuế	Cơ quan thống kê	DN cấp trên	Cơ quan ĐKKD
1. DN nhà nước	quý năm	X	X	X	X	X
2. DN có vốn đầu tư nước ngoài	năm	X	X	X	X	X
3. Các DN khác	năm		X	X	X	X

(1) Đối với các doanh nghiệp Nhà nước đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải lập và nộp BCTC cho Sở tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đối với doanh nghiệp nhà nước Trung ương còn phải nộp BCTC cho Bộ tài chính (Cục tài chính doanh nghiệp).

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước như: Ngân hàng thương mại, công ty xổ số kiến thiết, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty kinh doanh chứng khoán phải nộp BCTC cho Bộ Tài chính (Vụ tài chính ngân hàng). Riêng công ty kinh doanh chứng khoán còn phải nộp BCTC cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

(2) Các doanh nghiệp phải gửi BCTC cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý tại địa phương. Đối với Tổng công ty Nhà nước còn phải nộp BCTC cho Bộ Tài

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

chính (Tổng cục thuế).

(3) Doanh nghiệp Nhà nước có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp BCTC cho đơn vị kế toán cấp trên. Đối với doanh nghiệp khác có đơn vị kế toán cấp trên phải nộp BCTC cho đơn vị cấp trên theo quy định của đơn vị kế toán cấp trên.

(4) Đối với các doanh nghiệp mà pháp luật quy định phải kiểm toán BCTC thì phải kiểm toán trước khi nộp BCTC theo quy định. BCTC của các doanh nghiệp đã thực hiện kiểm toán phải đính kèm báo cáo kiểm toán vào BCTC khi nộp cho cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp cấp trên.

1.2/ Bảng cân đối kế toán và phương pháp lập Bảng cân đối kế toán

1.2.1/ Bảng cân đối kế toán và kết cấu của Bảng cân đối kế toán

1.2.1.1/ Khái niệm Bảng cân đối kế toán (BCĐKT)

Bảng cân đối kế toán là BCTC tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình tài sản của doanh nghiệp thông qua thước đo tiền tệ, tại một thời điểm nhất định theo giá trị và nguồn hình thành tài sản (tổng TS = tổng NV)

Số liệu trên bảng CĐKT cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu tài sản, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào các bảng CĐKT có thể nhận xét đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.2.1.2/ Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 "Trình bày báo cáo tài chính" khi lập và trình bày bảng CĐKT phải tuân thủ các nguyên tắc chung về lập và trình bày BCTC.

Ngoài ra trên bảng CĐKT, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

1. Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường trong vòng 12 tháng, thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

+ Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại ngắn hạn.

+ Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng tới trở lên kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại dài hạn.

2. Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường dài hơn 12 tháng, thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

kiện sau:

+ Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại ngắn hạn.

+ Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại dài hạn.

3. Đối với các doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa ngắn hạn và dài hạn, Tài sản và Nợ phải trả được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.

1.2.1.3/ Kết cấu và nội dung của Bảng cân đối kế toán theo quyết định 48

Bảng cân đối kế toán có thể kết cấu theo chiều dọc hoặc theo chiều ngang. Nhưng dù kết cấu theo chiều nào thì BCĐKT được chia làm 2 phần: phần Tài sản và phần Nguồn vốn. Ở mỗi phần của BCĐKT đều có 5 cột theo trình tự: “Tài sản” hoặc “Nguồn vốn”; “Mã số”; “Thuyết minh”; “Số cuối năm”; “Số đầu năm”.

1. Phần tài sản

Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của DN tại thời điểm lập báo cáo của tất cả đối tượng thuộc nhóm tài sản (theo tính lưu động giảm dần). Phần tài sản được chia làm 2 loại: Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn

2. Phần nguồn vốn

Phản ánh toàn bộ nguồn hình thành tài sản của DN tại thời điểm lập báo cáo của tất cả các đối tượng thuộc nhóm nguồn vốn (theo thời hạn thanh toán tăng dần). Phần nguồn vốn được chia làm 2 loại : Nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu.

Ngoài phần kết cấu chính, BCĐKT còn có phần chỉ tiêu ngoài BCĐKT. Hệ thống các chỉ tiêu được phân loại và sắp xếp thành từng loại, mục cụ thể và được mã hóa để thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

❖ Sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán theo thông tư 138/2011/TT-BTC ban hành ngày 4/10/2011 của Bộ tài chính

Bảng cân đối kế toán:

1. Đổi mã số chỉ tiêu “Nợ dài hạn”: Mã số 320 thành mã số 330

2. Đổi mã số chỉ tiêu “Vay và nợ dài hạn” - Mã số 321 thành mã số 331

3. Đổi mã số chỉ tiêu “Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm”: Mã số 322 thành mã số 332

4. Đổi mã số chỉ tiêu “Phải trả, phải nộp dài hạn khác”: Mã số 328 thành mã số 338

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

5. Đổi mã số chỉ tiêu “Dự phòng phải trả dài hạn”: Mã số 329 thành mã số 339
6. Đổi mã số chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng, phúc lợi”: Mã số 430 thành Mã số 323
7. Sửa đổi cách lấy số liệu chỉ tiêu “Người mua trả tiền trước”: Mã số 313
8. Bổ sung chỉ tiêu “Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ”: Mã số 157
9. Bổ sung chỉ tiêu “Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ”: Mã số 327
10. Bổ sung chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn”: Mã số 328
11. Đổi mã chỉ tiêu “Dự phòng phải trả ngắn hạn”: Mã số 319 thành mã số 329
12. Bổ sung chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện dài hạn”: Mã số 334
13. Bổ sung chỉ tiêu “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ”: Mã số 336

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Bảng 1.1. Mẫu BCĐKT (ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) đã sửa đổi theo thông tư 138

Đơn vị:.....

Mẫu B01-DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại... ngày.....tháng ... năm

Đơn vị tính:....

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(III.01)		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(III.05)		
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129		(...)	(...)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(...)	(...)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141	(III.02)		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(...)	(...)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151			
2. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	152			
3. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	157			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200			

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

(200 = 210+220+230+240)				
I. Tài sản cố định	210	(III.03. 04)		
1. Nguyên giá	211			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(...)	(.....)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
II. Bất động sản đầu tư	220			
1. Nguyên giá	221			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		(...)	(.....)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	(III.05)		
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239		(...)	(.....)
IV. Tài sản dài hạn khác	240			
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248			
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249		(...)	(.....)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250			
(250 = 100 + 200)				
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ	300			
(300 = 310 + 320)				
I. Nợ ngắn hạn	310			
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.06		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
9. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	327			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

II. Nợ dài hạn	330			
1. Vay và nợ dài hạn	331			
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332			
3. Doang thu chưa thực hiện dài hạn	334			
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336			
5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338			
6. Dự phòng phải trả dài hạn	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410	III.07		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(...)	(...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1- Tài sản thuê ngoài		
2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		
3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4- Nợ khó đòi đã xử lý		
5- Ngoại tệ các loại		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Ghi chú:

(1) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(2) Các chỉ tiêu không có số liệu thì không phải báo cáo nhưng không được đánh lại "Mã số".

(3) Doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".

1.1.2/ Cơ sở số liệu, trình tự, phương pháp lập Bảng cân đối kế toán (B01-DNN)

1.2.2.1/ Cơ sở số liệu lập Bảng cân đối kế toán

- Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh
- Sổ cái các TK
- Căn cứ vào sổ chi tiết hoặc bảng tổng hợp chi tiết
- Căn cứ vào BCĐKT lập tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước

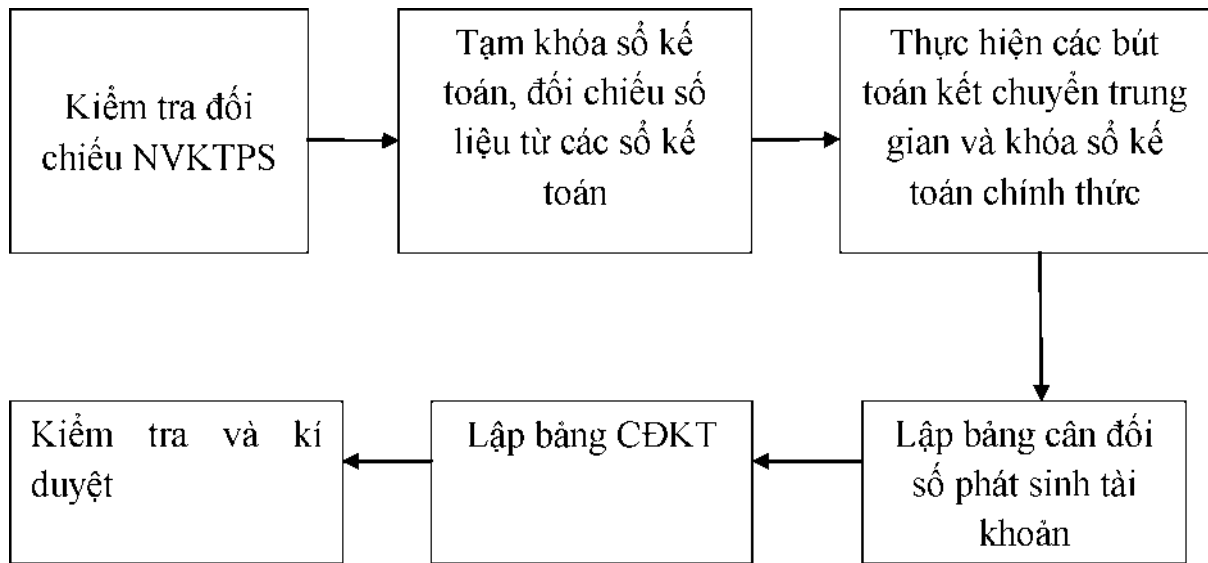
1.2.2.2/ Trình tự lập Bảng cân đối kế toán (B01-DNN):

Có 6 bước để lập BCĐKT:

- Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
- Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán, đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán
- Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và khóa sổ kế toán chính thức.
- Bước 4: Lập bảng cân đối số phát sinh tài khoản
- Bước 5: Lập bảng cân đối kế toán theo mẫu (B-01/DNN)
- Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Sơ đồ 1.1. Quy trình lập Bảng cân đối kế toán



1.2.2.3/ Phương pháp lập Bảng cân đối kế toán (B01-DNN)

- “Mã số” ghi ở cột 2 dùng để cộng khi Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất.

- Số hiệu ghi ở cột 3 “Thuyết minh” của báo cáo này là số hiệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết của các chi tiết của các chỉ tiêu này trong Bảng cân đối kế toán.

- Số liệu ghi vào cột 5 “Số đầu năm” của báo cáo này năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 4 “Số cuối năm” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước.

- Số liệu ghi vào cột 4 “Số cuối năm” của báo cáo này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nay, được lập như sau:

Phương pháp lập các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán

PHẦN “TÀI SẢN”

A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (MÃ SỐ 100)

$$\text{Mã số 100} = \text{Mã số 110} + \text{Mã số 120} + \text{Mã số 130} + \text{Mã số 140} + \text{Mã số 150}$$

I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)

1. Tiền

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, vàng bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Tiền” là tổng số dư Nợ của các TK 111 “Tiền mặt”, TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký Sổ Cái.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

2. Các khoản tương đương tiền

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của TK 121 “Đầu tư tài chính ngắn hạn” trên Sổ chi tiết TK 121, gồm: kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu kho bạc. Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120)

$$\text{Mã số 120} = \text{Mã số 121} + \text{Mã số 129}$$

1. Đầu tư ngắn hạn (Mã số 121):

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của TK 121 “Đầu tư tài chính ngắn hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái sau khi đã trừ đi các khoản đầu tư ngắn hạn đã được tính vào chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”.

2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 129)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có của TK 1591 “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái. Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

III. Các khoản phải thu ngắn hạn (Mã số 130)

$$\text{Mã số 130} = \text{Mã số 131} + \text{Mã số 132} + \text{Mã số 138} + \text{Mã số 139}$$

1. Phải thu của khách hàng (Mã số 131)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 “Phải thu của khách hàng” mở theo từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết TK 131, chi tiết các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn.

2. Trả trước cho người bán (Mã số 132)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ chi tiết của TK 331 “Phải trả cho người bán” mở theo từng người bán trên sổ kế toán chi tiết TK 331.

3. Các khoản phải thu khác (Mã số 138)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư bên Nợ của các tài khoản: TK 1388, TK 334, TK 3388 trên sổ kế toán chi tiết các TK 334, 3388, chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn.

4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (Mã số 139)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi” trên sổ kế toán chi tiết TK 1592, chi tiết các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. Số liệu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

IV. Hàng tồn kho (Mã số 140)

$$\text{Mã số 140} = \text{Mã số 141} + \text{Mã số 149}$$

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

1. Hàng tồn kho (Mã số 141)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ của các TK 151 “Hàng mua đang đi đường”, TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”, TK 153 “Công cụ, dụng cụ”, TK 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”, TK 155 “Thành phẩm”, TK 156 “Hàng hóa”, TK 157 “Hàng gửi đi bán” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí- Sổ Cái.

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 1593 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên Sổ Cái hoặc trên Nhật kí - Sổ Cái. Số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

V. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 150)

$$\text{Mã số 150} = \text{Mã số 151} + \text{Mã số 152} + \text{Mã số 157} + \text{Mã số 158}$$

1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Mã số 151)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK 133 “Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái.

2. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước (Mã số 152)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” căn cứ vào số dư Nợ chi tiết TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” trên Sổ kế toán chi tiết TK 333.

3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (Mã số 157)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ” là số dư nợ của Tài khoản 171 - Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên sổ kế toán chi tiết TK 171.

4. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ các TK 1381 “Tài sản thiếu chờ xử lý”, TK 141 “Tạm ứng”, TK 142 “Chi phí trả trước ngắn hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái.

B-TÀI SẢN DÀI HẠN (MÃ SỐ 200)

$$\text{Mã số 200} = \text{Mã số 210} + \text{Mã số 220} + \text{Mã số 230} + \text{Mã số 240}$$

I. Tài sản cố định (Mã số 210)

$$\text{Mã số 210} = \text{Mã số 211} + \text{Mã số 212} + \text{Mã số 213}$$

1. Nguyên giá (Mã số 211)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của TK 211 “Tài sản cố định” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái.

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

2. Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 212)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 2141 “Hao mòn TSCĐ hữu hình”, TK2142 “Hao mòn TSCĐ thuê tài chính”, TK 2143 “Hao mòn TSCĐ vô hình” trên Sổ kế toán chi tiết TK 214 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)

3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 213)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của TK 241 “Xây dựng cơ bản dở dang” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái.

II. Bất động sản đầu tư (Mã 220)

$$\text{Mã số 220} = \text{Mã số 221} + \text{Mã số 222}$$

1. Nguyên giá (Mã số 221)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của TK 217 “Bất động sản đầu tư”, trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái.

2. Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 222)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 2147 “Hao mòn bất động sản đầu tư”, trên Sổ kế toán chi tiết TK 2147 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 230)

$$\text{Mã số 230} = \text{Mã số 231} + \text{Mã số 239}$$

1. Đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 231)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của TK 221 “Đầu tư tài chính dài hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái.

2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 239)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 229 “Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn” trên Sổ Cái hoặc Nhật kí - Sổ Cái và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

IV. Tài sản dài hạn khác (Mã 240)

$$\text{Mã số 240} = \text{Mã số 241} + \text{Mã số 248} + \text{Mã số 249}$$

1. Phải thu dài hạn (Mã số 241)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào chi tiết số dư Nợ của TK 131, 1388, 331, 338 (chi tiết các khoản phải thu dài hạn khác) trên sổ kế toán chi tiết các TK 131, 1388, 331, 338.

2. Tài sản dài hạn khác (Mã số 248)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Nợ TK 242

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

“Chi phí trả trước dài hạn”, TK 244 “Ký quỹ, ký cược dài hạn” và các tài khoản khác có liên quan trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (Mã số 249)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 1592 “Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi” trên sổ kế toán chi tiết TK 1592 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (MÃ SỐ 250)

Mã số 250 = Mã số 100 + Mã số 200

PHÂN “NGUỒN VỐN”

I. NỢ PHẢI TRẢ (Mã 300)

Mã số 300 = Mã số 310 + Mã số 330

I. Nợ ngắn hạn (Mã số 310)

Mã số 310 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 +
Mã số 316 + Mã số 318 + Mã số 319

1. Vay ngắn hạn (Mã số 311)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 311 “Vay ngắn hạn”, TK 315 “Nợ dài hạn đến hạn trả” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

2. Phải trả cho người bán (Mã số 312)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 331 “Phải trả cho người bán” được phân loại là ngắn hạn mở theo từng người bán trên sổ kế toán chi tiết TK 331.

3. Người mua trả tiền trước (Mã số 313)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 131 “Phải thu của khách hàng” mở cho từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết TK 131

4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 314)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” trên sổ kế toán chi tiết TK 333.

5. Phải trả người lao động (Mã số 315)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 334 “Phải trả người lao động” trên sổ kế toán chi tiết TK 334

6. Chi phí phải trả (Mã số 316)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 335 “Chi phí phải trả” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Mã số 318)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Có trên sổ kế toán chi tiết của các TK 338 “Phải trả, phải nộp khác”, TK 1388 “Phải thu khác”, trên sổ kế toán chi tiết của các TK 338, 1388 (Không bao gồm các khoản phải trả, phải nộp khác được xếp vào loại nợ phải trả dài hạn).

8. Quỹ khen thưởng phúc lợi (Mã 323)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư bên có của TK 353 “Quỹ khen thưởng phúc lợi” trên Sổ cái hoặc Nhật ký- Sổ cái

9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ (Mã số 327)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư có của TK171 “Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ” - Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên sổ kế toán chi tiết TK 171.

10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Mã số 328)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn” là số dư Có của tài khoản 3387 - “Doanh thu chưa thực hiện” trên sổ kế toán chi tiết TK 3387 (Số doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trong vòng 12 tháng tới).

11. Dự phòng phải trả ngắn hạn (Mã số 329)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 352 “Dự phòng phải trả” trên sổ kế toán chi tiết TK 352 (Chi tiết các khoản dự phòng cho các khoản phải trả ngắn hạn).

II. Nợ dài hạn (Mã số 330)

Mã số 330 = Mã số 331 + Mã số 332 + Mã số 338 + Mã số 339)

1. Vay và nợ dài hạn (Mã số 331)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Có các TK: TK 341 “Vay, nợ dài hạn” và kết quả tìm được của số dư Có TK3411 trừ (-) dư Nợ TK 3412 cộng (+) dư Có TK 3413 trên sổ kế toán chi tiết TK 3413.

2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (Mã số 332)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 351 “Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn (Mã số 334)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 3387 - “Doanh thu chưa thực hiện” trên sổ kế toán chi tiết TK 3387 (Số doanh thu chưa thực hiện có thời hạn chuyển thành doanh thu thực hiện trên 12 tháng hoặc bằng tổng số

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

đư có TK 3387 - “Doanh thu chưa thực hiện” trừ (-) số doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh ở chỉ tiêu 328).

4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 336)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ” là số dư Có của tài khoản 356 - “Quỹ phát triển khoa học và công nghệ” trên Sổ kế toán tài khoản 356.

5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác (Mã số 338)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Có chi tiết của TK 338 “Phải trả, phải nộp khác” trên sổ kế toán chi tiết TK 338 (Chi tiết phải trả dài hạn).

6. Dự phòng phải trả dài hạn (Mã số 339)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 352 “dự phòng phải trả” trên Sổ cái hoặc nhật ký -Sổ cái TK 352

B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (Mã 400)

$$\text{Mã số 400} = \text{Mã số 410}$$

I. Vốn chủ sở hữu (Mã số 410)

$$\text{Mã số 410} = \text{Mã số 411} + \text{Mã số 412} + \text{Mã số 413} + \text{Mã số 414} + \text{Mã số 415} + \text{Mã số 416} + \text{Mã số 417}$$

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 4111 “Vốn đầu tư của chủ sở hữu” trên sổ kế toán chi tiết TK 4111.

2. Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 4112 “Thặng dư vốn cổ phần” trên sổ kế toán chi tiết TK 4112. Nếu tài khoản này có số dư Nợ thì được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn(.).

3. Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 4118 “Vốn khác” trên sổ kế toán chi tiết TK 4118.

4. Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Nợ của TK 419 “Cổ phiếu quỹ” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 415)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 413

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

“Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái. Trường hợp TK này có số dư bên Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 416)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 418 “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái.

7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 417)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào số dư Có của TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái. Trường hợp TK này có số dư bên Nợ thì số liệu chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (MÃ SỐ 440)

Mã số 440= Mã số 300+ Mã số 400

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (MÃ 250)= TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (MÃ 440)

Phương pháp lập các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

1. Tài sản thuê ngoài:

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số dư Nợ TK 001 “ tài sản thuê ngoài” trên Sổ cái hoặc ghi theo giá trị tài sản trên hợp đồng thuê, dùng để phản ánh giá trị tài sản thuê ngắn hạn (không phải hình thức thuê tài chính).

2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công:

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số dư Nợ TK 002 “ Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công” trên Sổ cái ghi theo giá trên hợp đồng.

3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược:

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số dư Nợ TK 003 “ Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược” ghi theo giá khách giao.

4. Nợ khó đòi đã xử lý:

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số dư Nợ TK 004 “ Nợ khó đòi đã xử lý” dùng để theo dõi các khoản phải thu, đã mất khả năng thu hồi. DN đã xử lý xóa sổ nhưng phải tiếp tục theo dõi để thu hồi.

5. Ngoại tệ các loại:

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số dư Nợ TK 007 “ Ngoại tệ các loại” dùng để theo dõi tình hình hiện có, biến động tăng giảm của từng loại ngoại tệ.

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

1.3/ Phân tích bảng Cân đối kế toán (BCĐKT).

1.3.1/ Nhiệm vụ và phương pháp phân tích bảng CĐKT

1.3.1.1/ Nhiệm vụ phân tích bảng CĐKT

Phân tích tình hình biến động của tài sản, nguồn vốn; phân tích cơ cấu vốn và nguồn hình thành vốn; phân tích khả năng thanh toán,.

Xác định nguyên nhân ảnh hưởng đến các chỉ tiêu phân tích.

- Đưa ra các đề xuất, biện pháp phù hợp giúp công ty hoạt động hiệu quả hơn

1.3.1.2/ Phương pháp phân tích bảng CĐKT

Để phân tích tài chính DN, người ta có thể sử dụng một hay tổng hợp các phương pháp khác nhau trong hệ thống các phương pháp phân tích tài chính DN. Những phương pháp được sử dụng trong phân tích Bảng cân đối kế toán: phương pháp so sánh, phương pháp cân đối, phương pháp tỷ lệ, phương pháp thay thế liên hoàn. Trong đó, phương pháp so sánh, và phương pháp cân đối là những phương pháp chủ yếu sử dụng nhiều nhất trong phân tích Bảng cân đối kế toán.

Phương pháp so sánh

Để có thể vận dụng phương pháp so sánh cần phải xác định được 2 vấn đề: điều kiện so sánh và tiêu chuẩn so sánh.

Điều kiện so sánh :

- Các chỉ tiêu kinh tế phải được hình thành trong cùng một khoảng thời gian như nhau.
- Các chỉ tiêu kinh tế phải thống nhất về nội dung và phương pháp tính toán.
- Các chỉ tiêu kinh tế phải cùng đơn vị đo lường.
- Khi so sánh các chỉ tiêu tương ứng phải quy đổi về cùng một quy mô hoạt động với các điều kiện kinh doanh như nhau.
- Tiêu chuẩn so sánh: là các chỉ tiêu được chọn làm căn cứ so sánh
- Khi nghiên cứu xu hướng của sự thay đổi, kỳ gốc thường được chọn là số liệu kỳ trước. Thông qua sự so sánh kỳ này với kỳ trước sẽ thấy được tình hình tài chính được cải thiện hay xấu đi
- Khi nghiên cứu mức độ biến động so với kế hoạch đặt ra trong kỳ, kỳ gốc được chọn là số liệu trong kế hoạch dự toán. Thông qua so sánh này thấy được khả năng cũng như mức độ tin cậy đối với việc hoàn thành kế hoạch các kỳ sau.
- Khi nghiên cứu mức độ tiên tiến hay lạc hậu, điểm mạnh hay điểm yếu, vị trí của doanh nghiệp trong ngành, kỳ gốc được chọn là mức độ trung bình ngành.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Tùy thuộc vào mục tiêu cụ thể của việc phân tích có thể so sánh theo nhiều cách khác nhau:

- So sánh tuyệt đối: là kết quả của phép trừ giữa trị số cột đầu năm với cột cuối năm của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán. Kết quả so sánh phản ánh sự biến động về quy mô hoặc khối lượng các chỉ tiêu phân tích.

- So sánh tương đối: là trị số của phép chia giữa số cột cuối năm với cột đầu năm của các chỉ tiêu kinh tế. Kết quả so sánh phản ánh kết cấu, mối quan hệ, tốc độ phát triển và mức độ phổ biến của các chỉ tiêu nghiên cứu.

- So sánh bình quân: Biểu hiện tính chất đặc trưng chung về mặt số lượng nhằm phản ánh đặc điểm chung của đơn vị, một số bộ phận hay tổng thể chung cùng tính chất.

- So sánh chiều dọc: là quá trình so sánh nhằm xác định tỷ lệ tương quan giữa các chỉ tiêu từng kỳ của Bảng cân đối kế toán.

- So sánh chiều ngang: là quá trình so sánh nhằm xác định tỷ lệ và chiều hướng biến động giữa các kỳ trên Bảng cân đối kế toán.

Phương pháp tỷ lệ:

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong quan hệ tài chính. Sự biến đổi các tỷ lệ là sự biến đổi các đại lượng tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp tỷ lệ yêu cầu cần xác định được các ngưỡng, các định mức để nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của DN, trên cơ sở so sánh các tỷ lệ của DN với giá trị các tỷ lệ tham chiếu.

Phương pháp cân đối:

- Phương pháp cân đối là phương pháp mô tả và phân tích các hiện tượng kinh tế mà giữa chúng tồn tại sự cân bằng hoặc phải tồn tại sự cân bằng.

- Phương pháp cân đối được sử dụng để tính mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố khi chúng có quan hệ tổng với chỉ tiêu phân tích cho nên mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố là độc lập nhau. Cụ thể là để tính mức độ ảnh hưởng của nhân tố nào đó, chỉ cần tính chênh lệch giữa thực tế với kế hoạch của bản thân nhân tố đó mà không cần quan tâm đến các nhân tố khác.

Qua việc so sánh này, các nhà quản lý sẽ liên hệ với tình hình và nhiệm vụ kinh doanh cụ thể để đánh giá tính hợp lý của sự biến động theo từng chỉ tiêu cũng như biến động về tổng giá trị tài sản và nguồn vốn.

Ngoài ra còn sử dụng thêm các phương pháp như: thay thế liên hoàn, chênh lệch và nhiều khi do đòi hỏi của quá trình phân tích yêu cầu cần phải sử

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

dụng kết hợp các phương pháp với nhau để thấy được mối quan hệ giữa các chỉ tiêu. Qua đó, các nhà quản trị mới đưa ra được các quyết định đúng đắn, hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1.3.2/ Nội dung phân tích của Bảng CĐKT

1.3.2.1/ Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu chủ yếu trên Bảng CĐKT

Đánh giá khái quát tình hình tài chính là việc xem xét, nhận định về sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này sẽ cung cấp cho nhà quản lý biết được thực trạng tài chính cũng như đánh giá được sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp là khả quan hay không khả quan. Để đánh giá khái quát tình hình tài chính cần tiến hành:

+ Phân tích cơ cấu và tình hình biến động tài sản:

Thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản cuối kỳ so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ hợp lý của việc phân bổ. Để thuận tiện cho việc phân tích ta lập bảng như sau:

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu số 1.2

BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm		Chênh lệch đầu năm/cuối năm	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
A. Tài sản ngắn hạn						
I. Tiền và các khoản TĐ tiền						
II. Các khoản ĐTTC ngắn hạn						
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
IV. Hàng tồn kho						
V. Tài sản ngắn hạn khác						
B. Tài sản dài hạn						
I. Tài sản cố định						
II. Bất động sản đầu tư						
III. Các khoản ĐTTC dài hạn						
IV. Tài sản dài hạn khác						
Tổng cộng tài sản						

+ Phân tích cơ cấu và tình hình biến động nguồn vốn:

Là việc so sánh sự biến động trên tổng số nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Bên cạnh đó còn phải xem xét tỷ trọng từng loại nguồn vốn chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ an toàn trong việc huy động vốn. Để thuận tiện cho việc phân tích ta lập bảng như sau:

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

**Biểu số 1.3. BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG
NGUỒN VỐN**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm		Chênh lệch đầu năm/cuối năm	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
A. Nợ phải trả						
I. Nợ ngắn hạn						
II. Nợ dài hạn						
B. Vốn chủ sở hữu						
I. Vốn chủ sở hữu						
II. Quỹ phúc lợi khen thưởng						
Tổng cộng nguồn vốn						

1.3.2.2/Phân tích tình hình tài chính của DN thông qua các tỷ số tài chính cơ bản.

Phân tích tình hình khả năng thanh toán.

Tình hình công nợ phản ánh quan hệ chiếm dụng trong thanh toán, khi nguồn bù đắp cho tài sản dự trữ thiếu, DN đi chiếm dụng vốn, ngược lại khi nguồn bù đắp cho tài sản dư thừa DN bị chiếm dụng. Nếu phần vốn đi chiếm dụng lớn hơn phần vốn bị chiếm dụng thì DN có thêm một phần vốn đưa vào quá trình SXKD. Ngược lại DN sẽ giảm bớt vốn.

Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán:

+ *Hệ số khả năng thanh toán tổng quát*: Phản ánh 1 đồng nợ của doanh nghiệp được đảm bảo bằng bao nhiêu đồng tài sản. Nếu trị số chỉ tiêu này của doanh nghiệp luôn > 1 thì doanh nghiệp đảm bảo được khả năng thanh toán và ngược lại; trị số này càng nhỏ hơn 1 thì doanh nghiệp càng mất dần khả năng thanh toán.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ}}$$

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

+ *Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn*: Phản ánh 1 đồng nợ ngắn hạn của doanh nghiệp được đảm bảo bằng bao nhiêu đồng tài sản ngắn hạn. Hệ số này cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn (là những khoản nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán trong vòng một năm hay một chu kỳ kinh doanh) của doanh nghiệp là cao hay thấp. Nếu chỉ tiêu này xấp xỉ bằng 1 thì doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và tình hình tài chính là bình thường hoặc khả quan. Ngược lại, nếu hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn càng nhỏ hơn 1 thì khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp càng thấp.

Tài sản ngắn hạn

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{-----}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

+ *Hệ số khả năng thanh toán tức thời*: *phản ánh khả năng thanh toán* ngay lập tức các khoản nợ bằng tiền và các khoản tương đương tiền. Hệ số thanh toán tức thời nếu >0,5 thì tình hình thanh toán tương đối khả quan, còn nếu < 0,5 thì DN có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ.

Tiền + tương đương tiền

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{-----}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Chú ý: Nếu tỷ số này tăng do nợ khó đòi phải thu tăng, do hàng bán trả chậm kém phẩm chất tăng làm một phần hàng tồn kho tăng làm cho không thể kết luận.

DN có khả năng thanh toán và làm cho rủi ro tài chính DN tăng

+ Nếu tỷ số khả năng thanh toán giảm do tăng nợ phải trả thì kết luận khả năng thanh toán giảm, rủi ro tài chính tăng.

+ Nếu khả năng thanh toán giảm do tử số giảm làm tốt công tác thu hồi công nợ, hàng bán nhanh dẫn tới hàng tồn kho giảm thì có thể kết luận DN có khả năng thanh toán và rủi ro tài chính không tăng.

Tỷ số này bằng 1 thì kết luận tình hình tài chính DN bình thường.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BCĐKT TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI TÂN THUẬN

2.1. Giới thiệu khái quát về công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

2.1.1/ Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Tên giao dịch Tiếng Việt: Công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Trụ sở : Tổ 37 cụm 6 phường Nam Sơn, Kiến An, Hải Phòng

Tel: 0313.677.213

Mã số thuế: 0200879412

Số Tài Khoản :12103034 – Ngân hàng VPBank số 230 Tô Hiệu, Lê Chân, HP

Công ty TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI TÂN THUẬN thành lập vào năm 2009 theo giấy phép kinh doanh số 0204001971 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/02/2009.

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh:

- + Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách, hành khách, hàng hóa bằng đường bộ
- + Dịch vụ hỗ trợ và quảng bá tua du lịch
- + Kinh doanh xây dựng, phá dỡ chuẩn bị mặt bằng và vật liệu xây dựng.

2.1.3. Thuận lợi, khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Trong suốt những năm hoạt động, công ty đã gặp không ít khó khăn trong buổi đầu thành lập. Song bên cạnh đó cũng có rất nhiều thuận lợi và gặt hái được nhiều thành tích lớn.

Nhưng năm gần đây, nền kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng và suy thoái. Đây cũng là những năm tình hình trong nước và ngoài nước có nhiều sự biến động lớn về kinh tế. Tuy chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nêu trên nhưng công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận vẫn cố gắng xây dựng thương hiệu, khẳng định vị thế của mình với các đối thủ cạnh tranh. Sự phát triển của công ty như ngày nay là do tác động của nhiều nguyên nhân, thuận lợi và khó khăn cũng nhiều. Có thể kể đến một số nguyên nhân sau :

Thuận lợi

Công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận đóng trên địa bàn Hải Phòng là nơi có thế mạnh về kinh tế gồm rất nhiều loại hình kinh tế khác nhau, tập trung

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

trong Thành Phố và các tỉnh lân cận như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương... cũng có rất nhiều khu công nghiệp nên thuận lợi cho việc kinh doanh và phát triển nền kinh tế thị trường nói chung và của Công ty nói riêng, nhất là trong thời kỳ nước ta đã gia nhập WTO như hiện nay.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên có kiến thức trình độ chuyên môn kỹ thuật, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh của công ty, công tác quản lý có nề nếp kỷ cương.

Khó khăn

Sự cạnh tranh trong thị trường ngày càng gay gắt, nhiều công ty cùng ngành nghề kinh doanh thành lập gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của công ty, đòi hỏi công ty phải luôn đưa ra và thay đổi hình thức kinh doanh để phù hợp với sự cạnh tranh trên thị trường.

Giá xăng dầu ngày càng tăng cao gây ảnh hưởng rất lớn đối với hoạt động của Công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận với chức năng kinh doanh chính của ty là vận chuyển bằng đường bộ, bắt buộc công ty phải điều chỉnh chi phí, giá cả hợp lý để vừa mang lại lợi nhuận cho công ty, vừa làm hài lòng các đối tác kinh doanh.

2.1.4/ Thành tích của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Trong những bước đầu khi mới thành lập, Công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng công ty đã cố gắng nỗ lực không ngừng trong kinh doanh và đã có những khởi sắc tốt đẹp đạt được những kết quả đáng khích lệ. Doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, đời sống người lao động ngày càng được cải thiện.

Thành tích công ty đã đạt được trong những năm qua:

Biểu 2.1: Một số chỉ tiêu kinh tế của công ty trong 2 năm gần đây

Stt	Chỉ tiêu	Năm		Chênh lệch
		2012	2013	
1	Doanh thu bán hàng	1.495.609.743	2.980.383.119	+1.484.773.376
2	Giá vốn hàng bán	1.401.121.910	2.551.336.469	+1.150.214.559
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	(135.820.967)	284.749.054	+420.570.021

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty qua 2 năm trên ta thấy

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

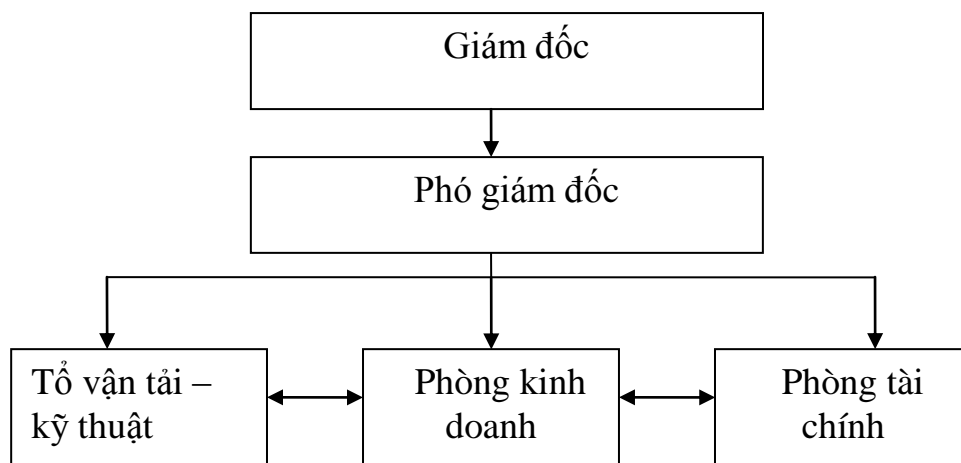
tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng đáng kể. Năm 2012 là một năm đầy khó khăn với các doanh nghiệp, cũng không ít doanh nghiệp không thể tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nhưng công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận đã từng bước vượt qua để đứng vững. Kết quả thể hiện ở năm 2013: Lợi nhuận trước thuế của Công ty tăng 420.570.021 đồng. Lợi nhuận trước thuế tăng là do doanh thu bán hàng của Công ty năm 2013 tăng 1.484.773.376 đồng so với năm 2012, giá vốn hàng bán cũng tăng 1.150.214.559 đồng. Lợi nhuận trước thuế tăng so với năm 2012 chứng tỏ Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả, sử dụng tốt các nguồn lực kinh doanh giúp Công ty ngày càng phát triển. Với đà phát triển đó hứa hẹn vị trí của công ty sẽ được khẳng định vững chắc trong thị trường.

2.1.5/ Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Công ty điều hành theo chế độ 1 thủ trưởng, giải quyết xuyên suốt mọi vấn đề trong Công ty. Các phòng ban chức năng được phân công nhiệm vụ cụ thể do đó phát huy hết khả năng chuyên môn của từng phòng, từng cá nhân và gắn chặt trách nhiệm rất rõ ràng. Mô hình quản lý dễ kiểm soát, tạo nên sự ổn định trong điều hành và dễ dàng cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, tay nghề.

Mô hình bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận được thể hiện qua sơ đồ 2.1:

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận



Ghi chú: Quan hệ chỉ đạo: \longrightarrow
Quan hệ hợp tác: \longleftrightarrow

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Ban giám đốc công ty gồm có:

Giám đốc là người đứng đầu công ty trực tiếp điều hành các hoạt động kinh doanh và lãnh đạo công ty, là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty, đồng thời là người đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của toàn công ty trước Nhà Nước và pháp luật.

Giúp việc cho giám đốc là phó giám đốc. Phó giám đốc là người chịu trách nhiệm trước giám đốc những vấn đề về tình hình tài chính, kinh doanh của công ty và được giám đốc ủy quyền điều hành công ty khi vắng mặt.

Các phòng ban:

Phòng tài chính kế toán: ghi chép phản ánh toàn bộ hoạt động kinh doanh trong công ty, giám đốc tình hình tài chính của công ty cũng như việc sử dụng có hiệu quả tiền vốn, lao động, vật tư, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, các chỉ tiêu kinh tế tài chính theo quy định của pháp luật, lập báo cáo tổng hợp, xác định kết quả tiêu thụ, kết quả tài chính và hiệu quả kinh doanh của công ty.

Phòng kinh doanh: tổ chức phân phối, tìm kiếm khách hàng và nhà cung cấp, thực hiện chế độ thông tin báo cáo, tiếp thị và cung ứng trực tiếp hàng hóa cho mọi đối tượng, quản lý tiền, hàng, cơ sở vật chất do công ty giao.

Tổ vận chuyển – kỹ thuật: chịu trách nhiệm sản vận chuyển hàng hóa, hành khách tới địa điểm trong hợp đồng với khách hàng, xử lý các vấn đề kỹ thuật và bảo dưỡng tài sản cố định.

2.1.6/Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

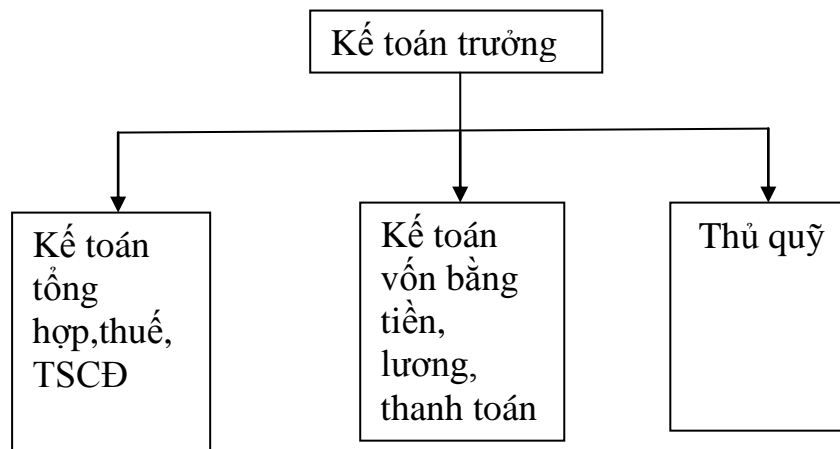
2.1.6.1/Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty theo hình thức tập trung giúp cho sự chỉ đạo công tác kế toán được thống nhất, chặt chẽ, tổng hợp được số liệu và thông tin kinh tế kịp thời, tạo điều kiện trong phân công lao động và nâng cao trình độ chuyên môn hoá lao động hạch toán. Do đó giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt kịp thời toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế của đơn vị.

Cơ cấu phòng kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận được thể hiện qua sơ đồ 2.2

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Sơ đồ 2.2 - Cơ cấu phòng kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận



Chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

+ *Kế toán trưởng*: Chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán, kiểm tra giám đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán đồng thời tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ kế toán, kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các kế toán viên lập cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

+ *Kế toán tổng hợp kiêm kế toán thuế, TSCĐ* : là người có nhiệm vụ phản ánh, đối chiếu các số liệu của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày, vào sổ tổng hợp, sổ cái, phản ánh chính xác kịp thời số lượng, hiện trạng, giá trị tài sản hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển TSCĐ trong công ty, báo cáo thuế theo thời gian quy định.

+ *Kế toán vốn bằng tiền, lương, thanh toán*:

- Hàng ngày theo dõi các khoản thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản vay. Chấm công tính lương, các khoản trích theo lương cho nhân viên.

-Thực hiện ghi chép phản ánh tình hình bán hàng (mua hàng) cũng như các khoản phải thu (phải trả), theo dõi tình hình công nợ đối với người mua (người bán).

+*Thủ quỹ*: có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt trong ngày

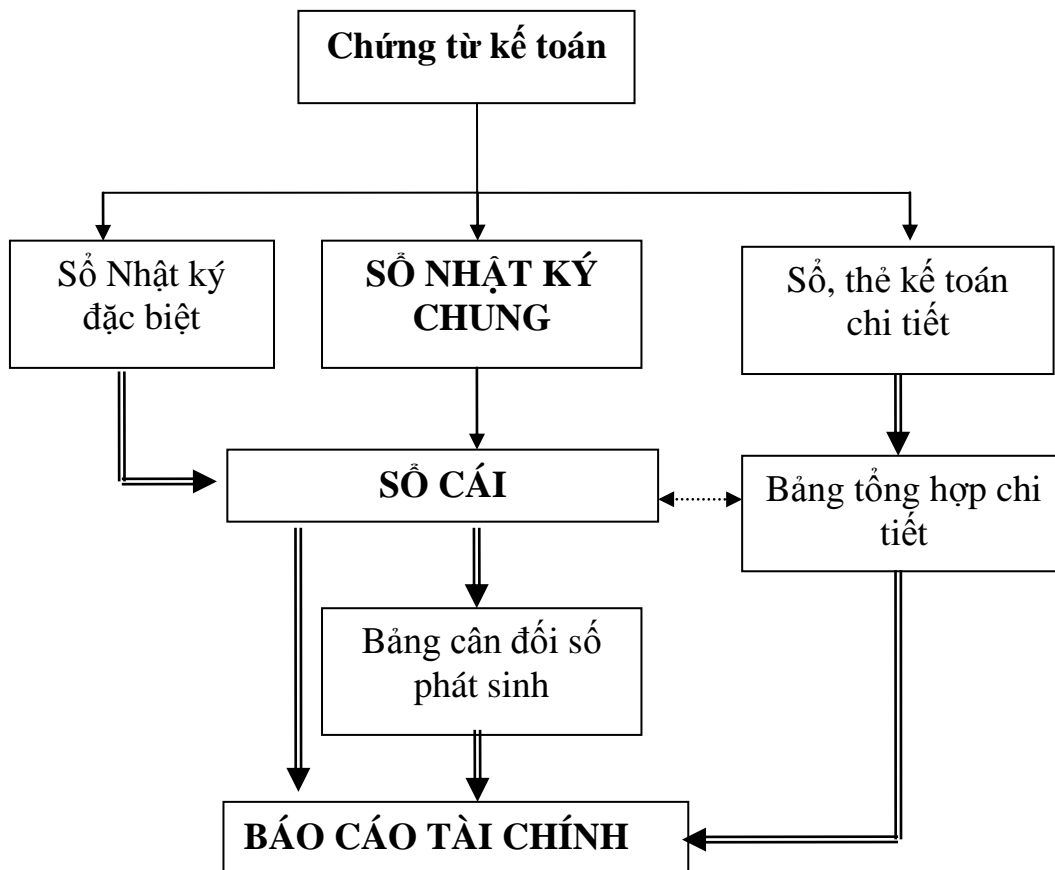
Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

2.1.6.2/ Hình thức kế toán, các chính sách kế toán áp dụng tại công ty

a, Hình thức ghi sổ kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán Nhật ký chung. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian, sau đó căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi sổ Cái. Đối với các TK có mở sổ hoặc thẻ chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung phải căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào các sổ hoặc thẻ chi tiết liên quan, cuối tháng hoặc cuối kỳ cộng sổ hoặc thẻ chi tiết để ghi vào bảng tổng hợp chi tiết của từng TK và sử dụng bảng này để lập bảng cân đối số phát sinh và BCTC.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKC tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <-.->

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

2.1.6.3./Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

- Hình thức sổ kế toán được áp dụng là hình thức nhật ký chung.
- Công ty đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán là Đồng Việt Nam (VND)
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
- Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

2.2/ Thực tế công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

2.2.1/ Nguồn số liệu

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp
- Căn cứ vào sổ chi tiết hoặc bảng tổng hợp chi tiết
- Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh
- Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm trước

2.2.2/ Trình tự lập bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

2.2.2.1/ Quy trình lập bảng cân đối kế toán của công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán

Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán chính thức

Bước 4: Lập bảng cân đối số phát sinh

Bước 5: Lập bảng cân đối kế toán theo mẫu B01-DNN

Bước 6: Thực hiện kiểm tra và ký duyệt

2.2.2.2/ Nội dung lập bảng cân đối kế toán của công ty

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Việc này được kế toán công ty thực hiện định kỳ hàng tháng, nhằm kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xem xét việc ghi chép cập

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

nhật có đầy đủ và đúng thứ tự hay không, nếu có sai sót thì kịp thời xử lý.

Kế toán tiến hành kiểm tra các bước sau:

- Sắp xếp chứng từ kế toán theo trình tự thời gian phát sinh.
- Đối chiếu nội dung kinh tế, số tiền phát sinh từng chứng từ với nội dung kinh tế, số tiền của từng nghiệp vụ được ghi chép trên sổ sách kế toán.
- Nếu phát hiện sai sót lập tức điều chỉnh, xử lý kịp thời.

Ví dụ: Kiểm tra tính có thật của nghiệp vụ thanh toán cước viễn thông cho tập đoàn viễn thông quân đội Viettel, số tiền 511.830 (Vat 10%) ngày 18/12/2013.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 5016661 (Biểu số 2.2)

Phiếu chi số 115 (Biểu số 2.3)

Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.4)

Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.5)

Sổ cái TK 133 (Biểu số 2.6)

Sổ cái TK 111 (Biểu số 2.7)

Sổ quỹ (Biểu số 2.8)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Liên 2: giao khách hàng

Tập đoàn viễn thông quân đội

Mẫu số: 01GTKT2/003

Số 1- Trần Hữu Dục- Mỹ Đình- Hà

Ký hiệu: AA/14T

Nội

Số:5016661

MST: 0100109106

Đơn vị thu: Viettel Hải Phòng – Tập đoàn viễn thông quân đội

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Địa chỉ: Tổ 37, Nam Sơn, Kiến An, Hải Phòng

Số thuê bao: 098756638

STT	Diễn giải	Mã DV	Tiền dịch vụ	Thuế suất (%)	Tiền thuế	Cộng
A	B	C	1	2	3=1x2	4=1+3
1	Cước chịu thuế	M	465.300	10	46.530	511.830
2	Cước không chịu thuế	M	0			0
Cộng			465.300		46.530	
Tổng cộng tiền thanh toán						511.830
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm mười một nghìn tám trăm ba mươi đồng						

Ngàytháng ...năm 2013

Ngày ...tháng ...năm 2013

Người nộp tiền

Nhân viên giao dịch

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra khi đối chiếu khi lập, gia nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu số 2.3: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH DVVT Tân Thuận

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: tổ 37 Nam Sơn, Kiến An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 18/12/2013

Số PC 715

Quyền số: 2

Nợ TK 642:465.300

Nợ TK 133: 46.530

Có TK 111: 511.830

Họ và tên : Tập đoàn viễn thông quân đội

Địa chỉ: số 1 Trần Hữu Dực, Ba Đình, Hà Nội

Lý do: Thanh toán tiền cước viễn thông

Số tiền: ... 511.830

Bằng chữ: Năm trăm mười một nghìn tám trăm ba mươi đồng

Chứng từ kèm theo: 01 hóa đơn số 5016661

Ngày 18 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận tiền
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu 2.4: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH DVVT Tân Thuận

Mẫu số: S03a-DNN

Địa chỉ: Tổ 37, Nam Sơn, Kiến An, HP

(Ban hành theo số :48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích năm 2013)

Đơn vị tính: đồng

Ngàytháng....năm...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
.....
5/12	GBC	5/12	Công ty CP XDKD vật tư tt cước vận chuyển	X		112 131	80.000.000	80.000.000
7/12	GBN	7/12	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe	X		331 112	25.680.000	25.680.000
12/12	PT101	10/12	Công ty đồ hộp Hạ Long tt cước vận chuyển	X		111 131	2.000.000	2.000.000
16/12	GBN	16/12	Trả tiền mua xe ô tô	X		331 112	792.000.000	792.000.000
18/12	PC115	18/12	Thanh toán cước viễn thông	X		642 133 111	465.300 46.530	511.830
22/12	PT102	22/12	Công ty bánh kẹo Kinh Đô thanh toán tiền v/c T8	X		111 131	20.000.000	20.000.000
23/12	PC116	23/12	Nộp tiền vào ngân hàng công thương Ngô Quyền	X		112 111	250.000.000	250.000.000
...
			Cộng số phát sinh				24.056.714.705	24.056.714.705

Ngày...tháng...năm

Kế toán ghi sổ
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu 2.5: Sổ cái 642

Đơn vị: Công ty TNHH DVVT Tân Thuận

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: Tổ 37 Nam Sơn, KA, HP

Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK: 642

(trích năm 2013)

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>					
...
18/12	HDDV 5016661	18/12	Tt cước viễn thông tháng 11 cho Viettel			111	465.300	
22/12	PX09	22/12	Xuất CCDC phục vụ cho QLDN			153	500.000	
31/12	BTTL12	31/12	Tính lương cho nhân viên QLDN			334	15.974.000	
...
			Số PS				144.445.506	144.445.506
			<u>SDCK</u>					

Ngày...tháng....năm

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu 2.6: Sổ cái TK 133

Đơn vị: Công ty TNHH DVVT Tân Thuận

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: Tổ 37 Nam Sơn, KA, HP

Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu TK: 133

(trích năm 2013)

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SDDK</u>					
...
3/12		3/12	VAT tiền điện tháng 11			111	200.000	
5/12		5/12	Mua dầu Diesel			331	450.000	
18/12		18/12	VAT cước viễn thông tháng 11			111	46.530	
...
			Số PS				293.002.818	288.107.368
			<u>SDCK</u>				<u>4.895.450</u>	

Ngày...tháng...năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu 2.7: Sổ cái 111

Đơn vị: Công ty TNHH DVVT Tân Thuận

Mẫu số: S03b-DNN

Địa chỉ: Tổ 37, Nam Sơn, Kiến An, Hải

(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC

Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(trích năm 2013)

Tên tài khoản: tiền mặt

Số hiệu TK: 111

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Dư đầu kỳ</u>		2.142.685.734	
....
12/12	PC05/12	12/12	Công ty đồ hộp Hạ Long tt cước v/c	131	43.500.000	
18/12	PC115	18/12	Thanh toán cước viễn thông tháng 11	642 133		465.300 46.530
22/12	PT10/12	22/12	Công ty bánh kẹo Kinh Đô tt nốt tiền v/c t8	131	20.000.000	
...
			Cộng phát sinh		3.163.562.400	3.483.259.076
			<u>Dư cuối kỳ</u>		1.822.989.062	

Ngày...tháng...năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu 2.8: Sổ quỹ tiền mặt

Đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ vận tải
Tân Thuận
Địa chỉ: Tổ 37, Nam Sơn, Kiến An, HP

Mẫu số: S05a-DNN
(Ban hành theo số : 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

(Trích năm 2013)

Loại tiền: Tiền Việt Nam

Ngày tháng CT	Ngày tháng GS	Số hiệu CT		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				Số dư đầu kỳ			<u>2.142.685.738</u>
...
12/12	12/12	PT101/12		Công ty đồ hộp Hạ Long thanh toán cước v/c	43.500.000		1.790.852.798
18/12	18/12		PC115	Thanh toán cước viễn thông		511.830	1.790.340.968
22/12	22/12	PT102/12		Cty bánh kẹo Kinh Đô thanh toán nốt tiền v/c tháng 8	20.000.000		1.810.340.968
...
				Cộng số phát sinh	3.163.562.400	3.483.259.076	
				Số dư cuối kỳ			<u>1.822.989.062</u>

Ngày ... tháng... năm....

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Bước 2: *Đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận*

Sau khi kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán thực hiện việc đối chiếu số liệu giữa sổ cái các TK với các bảng Tổng hợp chi tiết. Nếu phát hiện sai sót phải xử lý kịp thời.

Ví dụ: Kiểm tra công nợ của công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận cuối năm 2013.

Kế toán tiến hành đối chiếu số phát sinh và số dư trên Sổ cái với bảng tổng hợp, rút số dư trên Bảng tổng hợp có bằng với sổ cái không.

Sổ cái TK 131	(Biểu số 2.9)
Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng	(Biểu số 2.10)
Sổ cái TK331	(Biểu số 2.11)
Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán	(Biểu số 2.12)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu số 2.9: Trích sổ cái TK 131 năm 2013

Đơn vị: Công ty TNHH DVVT Tân Thuận

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: Tổ 37 Nam Sơn, KA, HP

Ban hành theo QĐ 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu TK: 131

Đơn vị tính:

Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>				98.700.000	
...
3/12	HĐ GTGT 0075185	3/12	Cước vc hàng hóa cho công ty TNHH TM Việt Anh			511 3331	33.192.381 1.659.619	
6/12		6/12	Công ty du lịch Hoàng Hải trả nợ			111		80.700.000
13/12	HĐ 0075185	13/12	Cước vc hàng hóa cho công ty Vinashin			511 331	40.000.000 2.000.000	
...
			Số PS				2.463.291.126	2.359.241.961
			<u>SDCK</u>				202.749.165	

Ngày...tháng...năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu số 2.10

Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TK 131)

NĂM 2013

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Số dư đầu năm		Số phát sinh		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty bánh kẹo Kinh Đô	7.439.000		45.574.450	38.135.450	14.878.000	
2	Công ty CP xây lắp TM HP		3.500.000	80.679.005	77.179.005		
3	Công ty đồ hộp Hạ Long	70.801.900		43.500.000	73.217.100	41.084.800	
4	Công ty TNHH TM Việt Anh			48.510.025	34.852.000	13.658.025	
5	Công ty du lịch Hoàng Hải	20.459.100		80.700.000	101.159.100		

Tổng cộng		102.200.000	3.500.000	2.463.291.126	2.359.241.961	202.749.165	

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu số 2.11: trích sổ cái TK 331 năm 2013

Đơn vị: Cty TNHH DVVT Tân Thuận
Nam Sơn, Kiến An, HP

Mẫu số: S03b – DNN ĐC:Tổ 37
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản : Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang sổ	STT đồng		Nợ	Có
			<u>SDDK</u>					
...
3/12	PC113	3/12	Trả tiền cho công ty xăng dầu Petrolimex			111	80.700.000	
5/12	HĐGTGT 004960	5/12	Mua dầu diesel của đại lý xăng dầu số 3			154 133		14.000.000 1.400.000
25/12	HĐ 0075185	25/12	Thanh toán tiền mua ô tô bằng TGNH			112	396.000.000	
...
			Số PS				1.035.499.700	1.035.499.700
			<u>SDCK</u>					

Ngày...tháng...năm

Kế toán ghi sổ

(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi họ tên)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu 2.12: Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán

Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (TK 331)
NĂM 2013**

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Số dư đầu năm		Số phát sinh		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Đại lý xăng dầu số 3			28.600.000	28.600.000		
2	Công ty CP VTXD Nguyễn Vũ			38.135.450	38.135.450		
3	Công ty xăng dầu Petrolimex			300.229.935	300.229.935		
4	Công ty ô tô Huyndai			396.000.000	396.000.000		

	Tổng cộng			1.035.499.700	1.035.499.700		

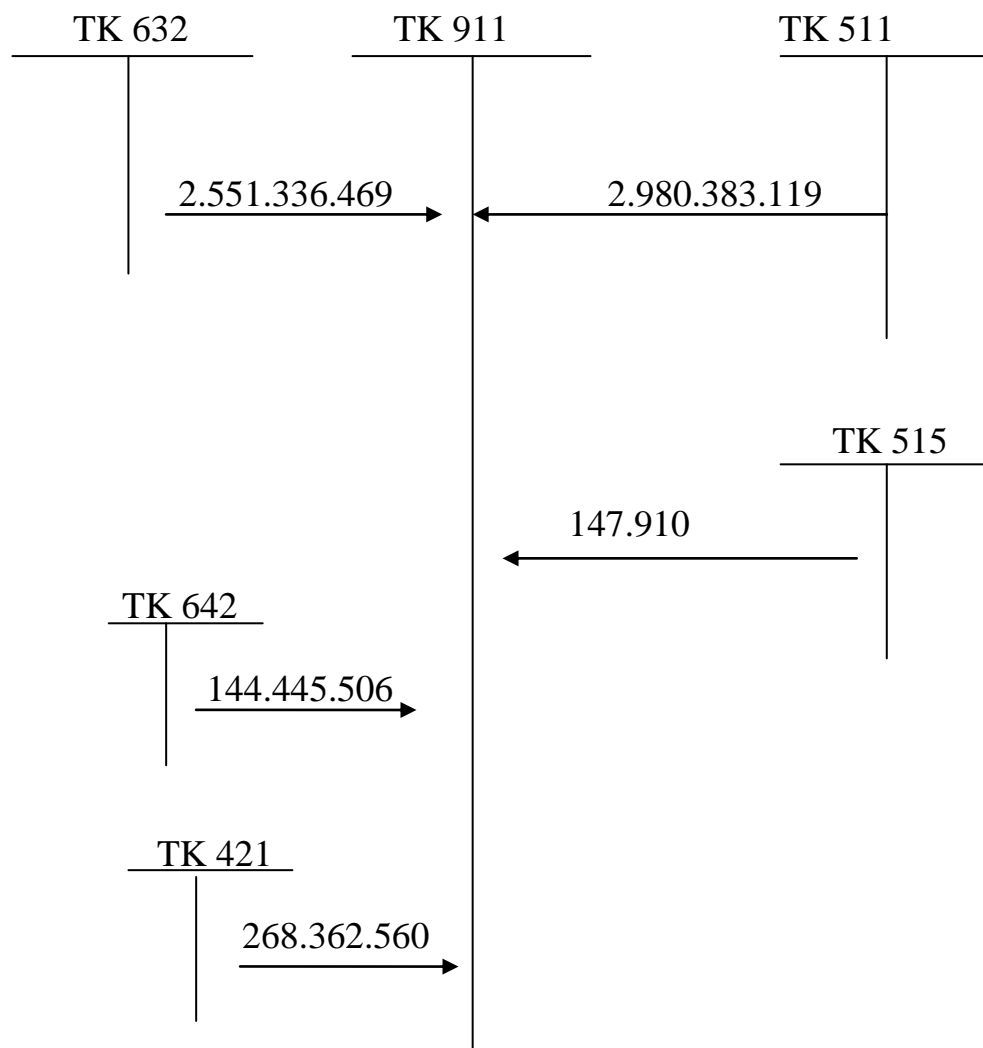
Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và khóa sổ kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh

Sơ đồ 2.4:

Sơ đồ tổng hợp các bút toán kết chuyển tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận



Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian, kế toán thực hiện khóa sổ kế toán

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Bước 4: Lập Bảng cân đối số phát sinh tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Sau khi khóa sổ kế toán, chính thức toàn bộ TK được sử dụng tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh như sau:

1. Cột “Số hiệu TK” ghi số hiệu các TK sử dụng trong DN từ TK loại 1 đến loại 9
2. Cột “Tên tài khoản” diễn giải tên TK tương ứng từng số liệu.
3. Cột “Số dư đầu năm”, lấy số liệu dòng “số dư đầu năm” trên Sổ cái các TK
4. TK có số dư bên Nợ thì ghi vào cột “Nợ”
5. TK có số dư bên Có thì ghi vào cột “Có”
6. Cột “Số phát sinh trong năm” lấy số liệu dòng “Số phát sinh” trên Sổ cái các TK
7. TK có số phát sinh bên Nợ thì ghi vào cột “Nợ”
8. TK có số phát sinh bên Có thì ghi vào cột “Có”
9. Cột “Số dư cuối năm”, lấy số liệu dòng “Số dư cuối năm” trên Sổ cái các TK
10. TK có số dư bên Nợ thì ghi vào cột “Nợ”
11. TK có số dư bên Có thì ghi vào cột “Có”

Ví dụ: Cách lập chỉ tiêu tiền mặt- số hiệu TK111 trên Bảng cân đối số phát sinh năm 2012 của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận. Cột số hiệu tài khoản là 111 Cột Tên tài khoản là tiền mặt

Cột số dư đầu năm: Số liệu để ghi vào cột “Số dư đầu năm” TK111 là số dư nợ đầu năm trên Sổ cái TK111 số tiền là: 2.142.685.738 đồng.

Cột số phát sinh trong năm: số liệu để ghi vào cột nợ căn cứ ở cột cộng số phát sinh bên nợ trên sổ cái TK 111, số tiền là: 3.163.562.400 đồng.

Số liệu để ghi vào cột có căn cứ ở dòng cộng số phát sinh bên có trên Sổ cái TK111 số tiền là: 3.483.259.076 đồng.

Cột “Số dư cuối năm”: Số liệu để ghi vào cột “Số dư cuối năm” của TK111 là số dư cuối kỳ bên nợ trên Sổ cái TK 111 là: 1.822.989.062. Các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối số phát sinh được lập tương tự Bảng cân đối số phát sinh tài khoản năm 2013 của công ty được thể hiện qua biểu 2.13

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu 2.13: Bảng cân đối số phát sinh 2013

Đơn vị: Cty TNHH DVVT Tân Thuận
Địa chỉ: Tổ 37 Nam Sơn, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số F01-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	2.142.685.738		3.163.562.400	3.483.259.076	1.822.989.062	
112	Tiền gửi ngân hàng	854.463		3.474.703.871	3.474.920.060	638.274	
131	Phải thu khách hàng	98.700.000		2.463.291.126	2.359.541.961	202.749.165	
133	Thuế GTGT được khấu trừ			293.002.818	288.107.368	4.895.450	
142	Chi phí trả trước ngắn hạn	2.472.826		32.720.060	2.472.826	32.720.060	
153	Công cụ, dụng cụ	1.507.000			1.507.000		
154	Chi phí sản xuất KD dở dang	2.315.452		2.549.021.017	2.551.336.469		
211	Tài sản cố định hữu hình	1.025.152.827		978.733.636		2.003.886.463	
214	Hao mòn tài sản cố định		365.955.692		236.415.836		602.371.528
242	Chi phí trả trước dài hạn	15.772.727			15.772.727		
311	Vay ngắn hạn		155.400.000	202.150.000	470.000.000		423.250.000
331	Phải trả người bán			1.035.499.700	1.035.499.700		
333	Thuế và các khoản phải nộp NN	12.691.581		310.816.874	316.587.919	6.902.536	
3331	Thuế GTGT đầu ra			288.107.368	298.038.406		9.931.038
33311	Thuế GTGT phải nộp	681.019		9.990.478	681.019	9.990.478	
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.010.562		11.219.028	16.368.494	6.843.096	
3338	Thuế môn bài, thuế khác			1.500.000	1.500.000		
334	Phải trả công nhân viên			388.950.000	388.950.000		
411	Nguồn vốn kinh doanh		3.000.000.000				3.000.000.000

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

421	LN chưa phân phối			219.203.078	268.362.560		49.159.482
4211	LN chưa phân phối năm trước			219.203.078		219.203.078	
4212	Ln chưa phân phối năm nay				268.362.560		268.362.560
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			2.980.383.119	2.980.383.119		
515	Doanh thu tài chính			147.910	147.910		
632	Giá vốn hàng bán			2.551.336.469	2.551.336.469		
642	Chi phí QLDN			144.445.506	144.445.506		
821	Chi phí thuế thu nhập			16.386.494	16.386.494		
911	Xác định kết quả kinh doanh			3.252.360.627	3.252.360.627		
Cộng Bảng		3.302.152.614	3.302.152.614	24.056.714.705	24.056.714.705	4.303.915.126	4.303.915.126

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Bước 5: Lập Bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Bảng cân đối kế toán của công ty được lập theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ Tài Chính.

Các cột trên bảng cân đối được xác định như sau :

Cột “Chỉ tiêu”: Để phản ánh các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán

Cột “Mã số”: Để tổng hợp số liệu các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán

Cột “Thuyết minh”: Là số hiệu các chỉ tiêu trong bản thuyết minh BCTC năm thể hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu này trong BCDKT.

Cột “Số đầu năm” căn cứ vào số liệu của cột “ Số cuối năm” trên bảng cân đối kế toán năm 2012.

Cột “Số cuối năm” được lập như sau:

CHỈ TIÊU TÀI SẢN

A - Tài sản ngắn hạn (Mã số 100):

Mã số 100 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150

I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)

1. Tiền (Mã số 111)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Nợ cuối kỳ (SDNCK) TK 111 “Tiền mặt” là 1.822.989.062 đồng, TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” là 638.274 đồng trên Sổ cái TK 111, 112

2. Các khoản tương đương tiền (Mã số 112)

Trong năm công ty không phát sinh

Mã số 110 = 1.822.989.062 + 638.274 = 1.823.627.336 đồng

II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120)

Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 129

1. Đầu tư ngắn hạn (Mã số 121)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này. Mã số 121 = 0

2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Mã số 129)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này. Mã số 129 = 0 → Mã số 120 = 0 + 0 = 0

III. Các khoản phải thu ngắn hạn (Mã số 130):

Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 138 + Mã số 139

1. Phải thu của khách hàng (Mã số 131)

Căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 “Phải thu khách hàng” mở theo

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết TK 131, chi tiết các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn Mã số 131 = 202.749.165 đồng

2. Trả trước người bán (Mã số 132)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này. Mã số 132=0

3. Các khoản phải thu khác (Mã số 138)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này. Mã số 138=0

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Mã số 139)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này. Mã số 139 = 0

---> Mã số 130 = 202.749.165 + 0 + 0 + 0 = 202.749.165 đồng

IV. Hàng tồn kho (Mã số 140)

Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 149

1. Hàng tồn kho (Mã số 141)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng hợp số Dư Nợ của TK 152, TK 153, TK 154 trên Sổ cái, số tiền là : 0 đồng.

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này. Mã số 149 = 0

---> Mã số 140 = 0 + 0 = 0 đồng

V. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 150):

Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152 + Mã số 158

1. Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 151)

Số liệu được lấy từ số dư Nợ của TK 133 trên sổ Cái TK 133 với số tiền là : 4.895.450 đồng

2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Mã số 152)

Số liệu được lấy từ số dư Nợ của TK 333 “ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, số tiền: 6.902.536.

3. Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158)

Số liệu được lấy từ số dư Nợ các tài khoản 1381 “Tài sản thiếu chờ xử lý” =

0, TK “Tạm ứng” = 0, TK 142 “Chi phí trả trước ngắn hạn” = 32.720.060,

TK 144 “Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn” = 0. Mã số 158 = 32.720.060

---> Mã số 150 = 4.895.450 + 6.902.536 + 32.720.060 = 44.518.046 đồng ---

> Mã số 100 = 1.823.627.336 + 0 + 202.749.165 + 0 + 44.518.046 =

2.070.894.547 đồng

B - Tài sản dài hạn (Mã số 200)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Mã số 200 = Mã số 210 + Mã số 220 + Mã số 230 + Mã số 240

I. Tài sản cố định (Mã số 210)

Mã 210 = Mã số 211 + Mã số 212 + Mã số 213

1. Nguyên giá (Mã số 211):

Số liệu được lấy từ số dư Nợ của TK 211 trên Sổ cái, số tiền là:

2.003.886.463 đồng

2. Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 212)

Số liệu được lấy từ số dư Có của TK 2141 trên Sổ cái, số tiền là:

(602.371.528) đồng.

3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 213)

Trong năm công ty không phát sinh chi tiêu này. Mã số 213 = 0

---> Mã số 210 = 2.003.886.463 – 602.371.528 + 0 = 1.401.514.935 đồng

II. Bất động sản đầu tư (Mã số 220)

Trong năm công ty không phát sinh chi tiêu này. Mã số 220 = 0

III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 230)

Trong năm công ty không phát sinh chi tiêu này. Mã số 230 = 0

IV. Tài sản dài hạn khác (Mã số 240)

Số liệu được lấy từ số dư Nợ của TK 242 “Chi phí trả trước dài hạn”, số tiền: 0,

TK 244 “Ký quỹ, Ký cược dài hạn” = 0. Mã số 240 = 0

---> Mã số 200 = 1.401.514.935 + 0 + 0 + 0 = 1.401.514.935

đồng **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (MÃ SỐ 250):**

Mã số 250 = Mã số 100 + Mã số 200

= 2.070.894.547 + 1.401.514.935 = 3.472.409.482 đồng

CHỈ TIÊU NGUỒN VỐN

A - Nợ phải trả (Mã số 300)

Mã số 300 = Mã số 310 + Mã số 320

I. Nợ ngắn hạn (Mã số 310)

Mã số 310 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 +

Mã số 316 + Mã số 318 + Mã số 319

1. Vay ngắn hạn (Mã số 311)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư có TK 311 trên sổ Cái TK311 số

tiền là 423.250.000 đồng

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

2. Phải trả cho người bán (Mã số 312)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư có chi tiết TK 331 trên Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán số tiền là : 0 đồng

3. Người mua trả tiền trước (Mã số 313)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư có chi tiết TK 131 trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131

Mã số 313 = 0 đồng

4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 314)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 333 trên bảng tổng hợp chi tiết TK 333 số tiền: 0 đồng.

5. Phải trả người lao động (Mã 315)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư có chi tiết trên sổ cái TK334 số tiền là 0 đồng

6. Chi phí phải trả (Mã 316)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này Mã số 316 = 0

7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Mã số 318)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này

Mã số 318 = 0 đồng

8. Dự phòng phải trả ngắn hạn (Mã 319)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này Mã số 319 = 0

---> Mã số 310 = 423.250.000 + 0 + 0 +0 +0 +0 +0 +0= 423.250.000 đồng

II. Nợ dài hạn (Mã 320)

Trong năm công ty không phát sinh các chỉ tiêu này Mã số 320 = 0

---> Mã số 300 = 423.250.000 + 0 = 423.250.000 đồng

B - Vốn chủ sở hữu (Mã số 400)

Mã số 400 = Mã số 410 + Mã số 430

I. Vốn chủ sở hữu (Mã số 410):

Mã số 410 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415
+ Mã số 416 + Mã số 417

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư có TK 411 “Vốn đầu tư của chủ sở hữu” trên Sổ kế toán chi tiết TK 4111, với số tiền: 3.000.000.000 đồng.

2. Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này Mã số 412 = 0

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

3.Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này Mã số 413 = 0

4.Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này Mã số 414 = 0

5.Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 415)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này Mã 415 = 0

6.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 416)

Trong năm công ty không phát sinh chỉ tiêu này Mã 416 = 0

7.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 417)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư có TK 421 số tiền là 49.159.482 đồng

--->Mã số 410 = 3.000.000.000 + 0 + 0+ 0+ 0 + 0 + 49.159.482 =
3.049.159.482 đồng

II.Quỹ khen thưởng phúc lợi (Mã số 430)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư có của TK 431 “ Quỹ khen thưởng phúc lợi” trên Sổ cái TK 431 số tiền là : 0 đồng

---> Mã số 400 = 3.049.159.482 + 0 = 3.049.059.482 đồng

TỔNG NGUỒN VỐN (MÃ SỐ 440)

Mã số 440 = Mã số 300 + Mã số 400

= 423.250.000 + 3.049.159.482 =3.472.409.482 đồng

Trong năm công ty không phát sinh các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán do Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận lập ngày 31/12/2013 đã hoàn thành (Biểu 2.14)

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu số 2.14: Bảng Cân đối kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận lập ngày 31/12/2013

Đơn vị: Công ty TNHH DVVT Tân Thuận

Mẫu B01-DNN

Địa chỉ: Tổ 37, Nam Sơn, KA, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC
ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.070.894.547	2.264.727.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(III.01)	1.823.627.336	2.143.540.201
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(III.05)		
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.749.165	102.200.000
1. Phải thu của khách hàng	131		202.749.165	102.200.000
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140			3.822.452
1. Hàng tồn kho	141	(III.02)		3.822.452
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.518.046	15.164.407
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		4.895.450	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		6.902.536	12.691.581
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		32.720.060	2.472.826

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240)	200		1.401.514.935	674.969.862
I. Tài sản cố định	210	(III.03.04)	1.401.514.935	659.197.135
1. Nguyên giá	211		2.003.886.462	1.025.152.827
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(602.371.528)	(365.955.692)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
II. Bất động sản đầu tư	220			
1. Nguyên giá	221			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	(III.05)		
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239			
IV. Tài sản dài hạn khác	240			
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248			15.772.727
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250		3.472.409.482	2.939.696.922
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		423.250.000	158.900.000
I. Nợ ngắn hạn	310		423.250.000	158.900.000
1. Vay ngắn hạn	311		423.250.000	155.400.000
2. Phải trả cho người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			3.500.000
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.06		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319			
II. Nợ dài hạn	320			
1. Vay và nợ dài hạn	321			
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	322			

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

3. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	328			
4. Dự phòng phải trả dài hạn	329			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		3.049.159.482	2.780.796.922
I. Vốn chủ sở hữu	410	III.07	3.049.159.482	2.780.796.922
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.000.000.000	3.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		49.159.482	(219.203.078)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.472.409.482	2.939.696.922

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại		

Lập, ngày tháng năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận)

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Sau khi lập xong bảng cân đối kế toán, người lập bảng sẽ đối chiếu lại cho đúng và phù hợp, sau đó sẽ được chuyển lên cho kế toán trưởng kiểm tra. Cuối cùng Bảng cân đối kế toán sẽ được trình lên Giám đốc ký duyệt.

2.2.3/ Thực tế công tác phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Sau khi lập và kiểm tra tính chính xác của Bảng cân đối kế toán, công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận không tiến hành các bước phân tích bảng CĐKT.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI TÂN THUẬN

3.1/ Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập, phân tích bảng cân đối kế toán nói riêng tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Để đánh giá chung được tình hình phát triển của công ty đòi hỏi các nhà quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp luôn phải được cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình nhằm đưa ra được các phương án kinh doanh và các chính sách quản lý cho phù hợp. Công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp phải là công cụ quản lý hữu hiệu trong việc theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Phân tích hoạt động kinh tế của doanh nghiệp giúp các nhà lãnh đạo đưa ra được những quyết định chính xác. Doanh nghiệp có tổ chức tốt được công tác hạch toán kế toán thì doanh nghiệp đó mới luôn đảm bảo được chỗ đứng của mình trên thị trường nhất là trong điều kiện hội nhập hiện nay. Vì vậy, cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, công tác lập và phân tích BCDKT cũng ngày một được hoàn thiện và coi trọng hơn nhằm đáp ứng tốt hơn cho công tác quản lý.

Trong quá trình thực tập tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận em nhận thấy trong công tác lập và phân tích BCDKT của công ty có số ưu, nhược điểm như sau :

3.1.1/ Những ưu điểm đã đạt được trong công tác kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

1. Về tổ chức bộ máy kế toán và những chính sách áp dụng trong công tác hạch toán kế toán

- Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Mọi công việc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi nhận tại phòng kế toán của công ty. Công việc hàng ngày được phân công rõ ràng cho từng người dưới sự điều hành của kế toán trưởng.

- Bộ máy kế toán gồm có 4 người, ngoài kế toán trưởng còn có kế toán tổng hợp có

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

trình độ chuyên môn cao giúp giảm bớt áp lực cho kế toán trưởng, mỗi kế toán kiêm nhiệm một nhiệm vụ phù hợp với khả năng và trình độ của mỗi người tạo nên sự chuyên môn, khoa học và logic, tạo hiệu quả cao trong công tác kế toán

- Công ty đã áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung nên đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp.

- Mẫu bảng, biểu phù hợp với Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Các chế độ đãi ngộ cho nhân viên tại công ty luôn được đảm bảo tốt nhất.

- Đội ngũ nhân viên kế toán có năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc nghiêm túc.

- Các thông tin do bộ phận kế toán nhìn chung cung cấp đầy đủ, nhanh chóng nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý tài chính doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

2. Về tổ chức lập bảng cân đối kế toán: Quy trình lập Bảng cân đối kế toán năm nhìn chung hợp lý, phù hợp theo đúng nguyên tắc, phương pháp, trình tự của chuẩn mực kế toán số 21 về lập Bảng cân đối kế toán.

3. Về trình tự lập, công ty đã căn cứ vào các chứng từ hợp lệ để thực hiện tốt việc phản ánh ghi chép số liệu vào các tài khoản, sổ kế toán, kiểm tra và đảm bảo tính chính xác, đầy đủ đúng với thực tế tại Công ty, giúp cho việc lập được nhanh chóng, thuận tiện và có độ chính xác cao.

Bảng cân đối kế toán của công ty được lập đúng quy định và nộp đúng thời hạn theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

3.1.2/ Những hạn chế trong công tác kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

1. Kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận chưa nắm bắt và vận dụng kịp thời thông tư 138/2011/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán trong doanh nghiệp vào công tác Lập BCĐKT.

2. Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán áp dụng cho công việc kế toán nói

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

chung và lập BCTC, BCĐKT nói riêng. Do đó thông tin kế toán cung cấp thường chậm và thiếu chính xác, lượng thông tin chưa cao, kế toán mất nhiều thời gian trong công việc lập BCTC cũng như BCĐKT.

3. Sau khi lập BCTC, công ty chưa tiến hành phân tích BCTC nói chung cũng như BCĐKT nói riêng nên chưa thấy rõ được tình hình tài chính, tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn của công ty. Vì vậy mà chưa kịp đáp ứng kịp thời thông tin cho nhà quản lý để họ có thể đưa ra các quyết định quản lý tài chính một cách chính xác và đầy đủ nhất, cũng như đưa ra các giải pháp khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong công ty.

3.2/ Một số biện pháp hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

3.2.1/ Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác lập và phân tích BCĐKT.

Để nhà quản lý có thể đưa ra các quyết sách lớn quyết định hoạt động sản xuất phát triển, đơn vị cần phải tiến hành công việc phân tích báo cáo tài chính, đặc biệt là bảng cân đối kế toán sau khi lập. Bởi vì, Bảng cân đối kế toán giúp cho các nhà quản lý của Công ty nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, nguồn vốn và sử dụng vốn cũng như tình hình tài sản của đơn vị mình. Từ đó có thể xin được nguồn tài trợ vốn cho các dự án và đồng thời cũng là căn cứ đáng tin cậy để các đối tác xem xét khi muốn hợp tác. Chính vì vậy, việc lập và trình bày BCĐKT trung thực, khách quan sẽ là điều kiện tiên quyết để thực hiện việc phân tích tình hình tài chính thông qua bảng cân đối kế toán của công ty một cách chính xác.

Tại công ty, bên cạnh những ưu điểm thì công tác lập và phân tích BCĐKT còn nhiều hạn chế như đã nêu trên, đặc biệt công ty chưa tiến hành thực hiện việc phân tích báo cáo tài chính. Do đó, công ty cần hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán theo quy định của chế độ kế toán hiện hành để đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý và những đối tượng quan tâm. Có thể nói, hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán là nhu cầu tất yếu đặt ra tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

***3.2.2/ Những ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích
Bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận***

3.2.2.1/Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện công tác lập Bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận theo thông tư 138/2011/TT-BTC

Ngày 04-10-2011 Bộ Tài chính ban hành thông tư 138/2011/TT-BTC về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành kèm theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 4/10/2011 , nhưng trong năm 2013 vừa qua, công ty chưa vận dụng sự thay đổi này vào trong công tác lập bảng cân đối kế toán. Vì vậy, trong thời gian tới công ty cần vận dụng thông tư này trong công tác kế toán, đặc biệt trong công tác lập bảng cân đối kế toán.

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

*Bảng 3.1: Bảng cân đối kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận
được lập lại theo tinh thần sửa đổi của thông tư 138/2011/TT-BTC*

Đơn vị: Công ty TNHH DVVT Tân

Mẫu B01-DNN

Thuận

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC

Địa chỉ: Tổ 37, Nam Sơn, KA, HP

ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2013.

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(III.01)	2.070.894.547	2.264.727.060
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(III.05)	1.823.627.336	2.143.540.201
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.749.165	102.200.000
1. Phải thu của khách hàng	131		202.749.165	102.200.000
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140			3.822.452
1. Hàng tồn kho	141	(III.02)		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.518.046	15.164.407
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		4.895.450	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		6.902.536	12.691.581
3. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	157			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		32.720.060	2.472.826

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240)	200		1.401.514.935	674.969.862
I. Tài sản cố định	210	(III.03.0 4)	1.401.514.935	659.197.135
1. Nguyên giá	211		2.003.883.462	1.025.052.827
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(602.371.528)	(365.955.692)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
II. Bất động sản đầu tư	220			
1. Nguyên giá	221			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	(III.05)		
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239			
IV. Tài sản dài hạn khác	240			
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248			
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250		3.472.403.482	2.939.696.922
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		423.250.000	158.900.000
I. Nợ ngắn hạn	310		423.250.000	158.900.000
1. Vay ngắn hạn	311		423.250.000	155.400.000
2. Phải trả cho người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			3.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.06		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
9. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	327			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

II. Nợ dài hạn	330			
1. Vay và nợ dài hạn	331			
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	332			
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	334			
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	336			
5. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	338			
6. Dự phòng phải trả dài hạn	339			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		3.049.159.482	2.780.796.922
I. Vốn chủ sở hữu	410	III.07	3.049.159.482	2.780.796.922
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.000.000.000	3.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại		

Lập, ngày tháng năm 2014

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

3.1.2.2/ Ý kiến thứ 2: Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận nên thực hiện công tác phân tích Bảng cân đối kế toán.

Để nắm bắt rõ tình hình và năng lực tài chính của công ty định kỳ, công ty nên tiến hành phân tích Bảng cân đối kế toán để có thể đưa ra những quyết định đúng đắn và phù hợp.

Để nâng cao hiệu quả cho công tác phân tích, công ty cần phải lập một kế hoạch phân tích cụ thể theo trình tự sau:

Bước 1: Lập kế hoạch phân tích:

- Chỉ rõ nội dung phân tích
- Chỉ rõ chỉ tiêu cần phân tích
- Chỉ rõ khoảng thời gian mà chỉ tiêu đó phát sinh và hoàn thành
- Chỉ ra thời gian bắt đầu và thời hạn kết thúc quá trình phân tích
- Xác định kinh phí cần thiết và người thực hiện công việc phân tích.

Bước 2: Thực hiện quá trình phân tích:

Tùy thuộc vào nội dung, chỉ tiêu phân tích để sưu tầm, lựa chọn số liệu từ các nguồn như: Bảng cân đối kế toán của 2 năm gần nhất với năm cần phân tích, số liệu của các DN, thông tin cần thiết để phục vụ cho nội dung cần phân tích.

Lưu ý: Các tài liệu sử dụng cần được kiểm tra về nhiều mặt:

+ Kiểm tra tính hợp pháp của tài liệu: trình tự lập, người ban hành, cấp có thẩm quyền ký duyệt.

+ Nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu phải thống nhất theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Do tài liệu được sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau vì vậy trước khi tính toán các chỉ tiêu và đánh giá tình hình phải đối chiếu, kiểm tra tính trung thực, hợp lý của các số liệu đưa vào tính toán, lựa chọn phương pháp phân tích thích hợp để đảm bảo đánh giá được tình hình, xác định được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ yêu cầu quản lý. Đây là khâu quan trọng nhất, quyết định chất lượng của công tác phân tích.

Bước 3: Lập báo cáo phân tích (kết thúc quá trình phân tích):

Báo cáo phân tích phải bao gồm:

- Phải kết luận, đánh giá được ưu điểm, khuyết điểm chủ yếu trong công tác quản lý của DN

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

- Chỉ ra những nguyên nhân cơ bản đã tác động tích cực, tiêu cực đến kết quả đó.
- Nêu được các kiến nghị cụ thể để cải thiện công tác đã qua, động viên khai thác khả năng tiềm tàng trong kỹ tới.

Các phân tích cụ thể như sau:

❖ *Phân tích cơ cấu và tình hình biến động của tài sản:*

Phân tích tình hình biến động và biến đổi cơ cấu tài sản, nguồn vốn là việc đánh giá tình hình phân bổ cũng như sự thay đổi của tài sản, nguồn vốn của công ty có hợp lý hay không? Từ đó công ty có thể đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp, giúp cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng hiệu quả hơn.

Việc phân tích tình hình biến động và biến đổi cơ cấu tài sản, nguồn vốn được tiến hành dựa trên Bảng cân đối kế toán của công ty năm 2013. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty năm 2013, ta có Bảng phân tích tình hình biến động và biến đổi cơ cấu tài sản như biểu 3.2.

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu 3.2:

BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm		Chênh lệch cuối năm/ đầu năm		
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ	Tỷ trọng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.070.894.547	59,64%	2.264.727.547	77,04%	-193.833.000	-8,56	-17,4%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.823.627.336	52,52%	2.143.540.201	72,92%	-319.912.865	-19,92	-20,04%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-		-			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	202.749.165	5,84%	102.200.000	3,48%	+100.549.165	+98,38	+2,36%
IV. Hàng tồn kho		-	3.822.452	0,13%	-3.822.452	-100	-0,13%
V. Tài sản ngắn hạn khác	44.518.046	1,28%	15.164.407	0,52%	+29.353.639	+193,57	+0,76%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.401.514.935	40,36%	674.969.862	22,96%	+726.545.073	+107,64	+17,4%
I. Tài sản cố định	1.401.514.935	40,36%	659.197.135	22,42%	+742.317.800	+112,61	+17,94%
II. Bất động sản đầu tư		-		-		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-		-		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác		-	15.772.727	0,54%	- 15.772.727	-100	-0,54%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.472.409.482	100,00%	2.939.696.922	100,00%	+532.712.560	+18,12	-

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Nhận xét :

Qua số liệu tính toán ở biểu 3.2 ta có một số nhận xét sau: Tổng tài sản năm 2013 so với năm 2012 tăng lên 532.712.560 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 18,12%. Tổng tài sản của công ty tăng chủ yếu là do “tài sản dài hạn” tăng.

Tài sản dài hạn năm 2012 tăng so với năm 2011 là 726.545.073 đồng tương ứng với tỷ lệ 107.64%. Trong đó tài sản dài hạn tăng chủ yếu do tài sản cố định tăng. Cụ thể:

Chỉ tiêu “Tài sản cố định” năm 2012 là 1.401.514.935 đồng chiếm tỷ trọng 40,36% trong tổng Tài sản, năm 2011 là 659.197.135 đồng chiếm tỷ trọng 22,42 %. Vậy tài sản cố định năm 2012 so với năm trước đã tăng 742.317.800 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 112,61%. Đây có thể coi là ưu điểm của công ty trong năm vừa qua . Tài sản cố định chiếm tỉ trọng lớn trong tổng tài sản là do năm vừa qua công ty đã đầu tư thêm trang thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ cho quá trình cung cấp dịch vụ.

Tuy tài sản ngắn hạn cuối năm so với đầu năm giảm 193.832.513 tương ứng với tỉ lệ giảm 8,56% nhưng một số chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn cũng tăng góp phần vào việc tăng tổng tài sản. Cụ thể:

Chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn” năm 2013 so với năm 2012 tăng 100.549.165 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 98.38%, chiếm tỷ trọng lớn thứ 3 sau chỉ tiêu “tài sản cố định” và “ tiền và các khoản tương đương tiền” trong tổng tài sản. Việc các khoản phải thu ngắn hạn tăng nguyên nhân là do “Phải thu khách hàng” tăng. Đây là điều khó tránh khỏi vì việc thanh toán thường diễn ra chậm. Vì vậy công ty nên rút kinh nghiệm thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ, giảm ứ đọng vốn để tăng khả năng sử dụng vốn.

Chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” năm 2013 so với năm 2012 giảm 319.912.865 đồng tương đương với tỉ lệ giảm 14.92% . Xét về góc độ hiệu quả sử dụng vốn thì việc tồn đọng quỹ ít tăng hiệu quả sử dụng vốn do lượng vốn này được đưa vào vận động để sinh lời, mang lại lợi ích tối đa cho công ty. Tuy nhiên đứng trên góc độ thanh toán thì việc tồn đọng ít quỹ làm giảm khả năng thanh toán, không đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng sử dụng vốn. Công ty cần xem xét phân phối lượng vốn này một cách phù hợp để vừa đảm bảo khả năng thanh toán và có thể vận động sinh lời trong kỳ tới.

Chỉ tiêu “tài sản ngắn hạn khác” tại công ty tăng so với năm 2012 từ

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

15.164.407 đồng lên 44.158.046 đồng. Chỉ tiêu này tăng chủ yếu do thuế GTGT được khấu trừ tăng và tài sản ngắn hạn khác tăng. Do đó, trong kỳ tới công ty nên đưa khoản thuế đã được khấu trừ vào kinh doanh.

❖ *Phân tích cơ cấu và tình hình biến động nguồn vốn :*

Việc phân tích cơ cấu nguồn vốn nhằm giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sử dụng và huy động vốn của doanh nghiệp mình. Từ đó có thể đưa ra các quyết định phù hợp nhằm tăng khả năng tự tài trợ về tài chính của Công ty cũng như mức độ, khả năng tự chủ, chủ động trong kinh doanh hay những khó khăn mà công ty phải đương đầu. Số liệu dùng để phân tích được thể hiện trong bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn được lập từ số liệu trên BCDKT của Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2013 được thể hiện qua biểu 3.3

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

Biểu số:3.3

BẢNG PHÂN TÍCH CƠ CẤU VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CỦA NGUỒN VỐN

Chi tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm		Chênh lệch cuối năm/đầu năm		
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ lệ	Tỷ
A. NỢ PHẢI TRẢ	423.250.000	12,2%	158.900.000	5,41%	+264.350.000	+166,36%	+6,79%
I. Nợ ngắn hạn	423.250.000	12,2%	158.900.000	5,41%	+264.350.000	+166,36%	+6,79%
1. Vay ngắn hạn	423.250.000	12,2%	155.400.000	5,29%	+267.850.000	+172,36%	+6,91%
2. Phải trả người bán							
3. Người mua trả tiền trước			3.500.000	0,12%	-3.500.000	-100%	-0,12%
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà							
7. Các khoản phải trả ngắn hạn							
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi							
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.049.159.482	87,8%	2.780.796.922	94,59%	+268.362.560	+9,65%	-6,79%
I. Vốn chủ sở hữu	3.049.159.482	87,8%	2.780.796.922	94,59%	+268.362.560	+9,65%	-6,79%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.000.000	86,39%	3.000.000.000	102,05%	-	-	-15,66%
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân	49.159.482	1,41%	(219.203.078)	-7,46%	+268.362.560	+122,43%	+8,87%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.472.409.482	100,00%	2.939.696.922	100,00%	+532.712.560	+18,12%	-

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Nhận xét:

Qua biểu 3.3 ta có thể đưa ra những nhận xét sau:

Tổng nguồn vốn năm 2013 so với năm 2012 đã tăng lên 532.712.560 đồng tương ứng tỷ lệ tăng 18,12%. Trong đó:

Chỉ tiêu “Nợ phải trả” của công ty năm 2012 là 158.900.000 đồng chiếm 5,41% trong tổng nguồn vốn. Đến năm 2013 chỉ tiêu này tăng lên 423.250.000 đồng, tăng 264.350.000 đồng tương ứng với 12,2%, đồng thời tỷ trọng nợ phải trả cũng tăng lên 6,79% . Đây có thể xem là chiều hướng không tốt, chứng tỏ công ty gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa thanh toán được khoản nợ vay, nợ người bán. Trong thời gian tới công ty cần khắc phục.

Xét đến chỉ tiêu “nguồn vốn chủ sở hữu” của công ty năm 2012 là 2.780.796.922 đồng chiếm tỷ trọng 94,59% , năm 2013 là 3.049.159.482 đồng chiếm tỷ trọng 87,8%. Vậy trong năm qua nguồn vốn chủ sở hữu tăng 268.362.560 đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 9,65% nhưng tỉ trọng lại giảm 6,79%. Nguyên nhân chỉ tiêu này tăng chủ yếu là do “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tăng lên 268.362.560 đồng tương ứng với tỉ lệ tăng 122,43%. Điều đó có thể thấy năm vừa qua công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, làm ăn có lãi. Đây là dấu hiệu tốt cần phát huy trong kỳ tới. Mặt khác xét từng chỉ tiêu trong tổng số nguồn vốn ta nhận thấy công ty có một cơ cấu nguồn vốn tốt. Theo bảng số liệu phân tích trên ta thấy nợ phải trả năm 2013 đạt 423.250.000 đồng, chiếm 12,2% trong tổng nguồn vốn. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu năm 2013 đạt 3.049.159.482 đồng, chiếm 87,8% trong tổng nguồn vốn. Điều này cho thấy, vốn chủ sở hữu của công ty chiếm tỉ trọng lớn trong tổng nguồn vốn, còn tỷ trọng của nợ phải trả trong tổng nguồn vốn lại thấp hơn nhiều lần so với vốn chủ sở hữu.

Có thể thấy mặc dù chỉ tiêu nợ phải trả tăng lên 264.350.000 đồng nhưng chủ yếu là do vay ngắn hạn tăng. Còn các chỉ tiêu phải trả người bán và Thuế và các khoản phải nộp nhà nước đều bằng 0 chứng khả năng thanh toán nợ cho nhà cung cấp hay tổ chức tài chính, cũng như nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước đã đảm bảo. Tuy nhiên, trong thời gian tới, công ty vẫn nên lập kế hoạch chi tiết, cụ thể về việc sử dụng và đầu tư nguồn vốn có hiệu quả, nhằm đem lại lợi nhuận cao cho công ty, đảm bảo khả năng thanh toán ngày càng tốt hơn.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

❖ *Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua một số tỷ số tài chính cơ bản.*

Trong nền kinh tế thị trường, bất cứ doanh nghiệp nào cũng luôn coi trọng các quan hệ tín dụng, bởi nó có thể giúp các doanh nghiệp mở rộng quy mô, đẩy nhanh quá trình sản xuất kinh doanh làm cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục giúp doanh nghiệp phát huy được thế mạnh. Muốn vậy đòi hỏi các doanh nghiệp phải có đủ năng lực đáp ứng các nghĩa vụ đối với từng loại tín dụng mà họ nhận được mà đặc biệt là khả năng hoàn trả đúng hạn các khoản vay tín dụng ngắn hạn. Nếu doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán thì tình hình tài chính sẽ khả quan và ngược lại.

Các đối tượng có liên quan đến doanh nghiệp như các nhà đầu tư, người cung cấp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, ... luôn đặt ra câu hỏi: Liệu doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn không? Để đánh giá tình hình và khả năng thanh toán nợ của công ty ta phân tích nhóm tỷ số về khả năng thanh toán trong biểu 3.4

Biểu số 3.4 : Bảng phân tích chỉ tiêu tài chính cơ bản.

Chỉ tiêu	Công thức	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013
1. Hệ số thanh toán tổng quát	Tổng tài sản/ Tổng nợ	lần	18,5	8,2
2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Tài sản ngắn hạn /Nợ ngắn hạn	lần	14,25	4,89
3. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Tiền + tương đương tiền	lần	14,23	4,3
	Tổng Nợ ngắn hạn			

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Nhận xét:

Thông qua số liệu tính toán được ở trên ta thấy

Hệ số thanh toán tổng quát của công ty năm 2013 là 8,2 lần cho biết cứ 1 đồng nợ phải trả của công ty năm 2013 được đảm bảo bằng 8,2 đồng tài sản. Điều này cho thấy các khoản nợ của doanh nghiệp đều được đảm bảo bằng tài sản. Con số này giúp cho doanh nghiệp dễ dàng hơn trong việc huy động vốn. Mặc dù Hệ số thanh toán nợ tổng quát của công ty năm nay giảm so với năm trước (từ 18,5 lần xuống còn 8,2 lần) tuy nhiên khả năng thanh toán của công ty vẫn được đảm bảo. Các nhà cung cấp rất quan tâm đến hệ số này vì nó giúp cho họ đưa ra quyết định có nên bán chịu cho doanh nghiệp hay không? Điều này cho thấy các khoản nợ của công ty đều được đảm bảo bằng tài sản.

Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn năm 2013 cũng giảm so với năm 2012 nhưng hệ số này vẫn cao (4,89 lần) . Điều này có lợi cho công ty nếu việc duy trì hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ở mức cao sẽ tốt hơn vì cơ bản công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, việc duy trì hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn nhỏ hơn 1 lại thể hiện hiệu quả sử dụng đồng vốn của doanh nghiệp. Không phải trong mọi trường hợp hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn lớn hơn hoặc bằng 1 là tốt vì khi đó dù các doanh nghiệp đảm bảo được khả năng thanh toán nợ ngắn hạn nhưng lại chưa sử dụng tốt đồng vốn của mình và chưa chiếm dụng được vốn của các đơn vị bạn vào việc SXKD của mình. Do đó trong năm tới công ty cần giảm hệ số này và duy trì ở mức thấp hơn hoặc xấp xỉ bằng 1, để đạt được lợi ích cao nhất cho hoạt động kinh doanh tại công ty.

Hệ số khả năng thanh toán nhanh có thể nói là thước đo về việc huy động tài sản có khả năng quy đổi ngay thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, giúp cho các nhà cung cấp sẽ quyết định thời gian cho doanh nghiệp nợ bao lâu. Ta thấy hệ số này ở đầu năm bằng 14,23 đến cuối năm giảm xuống còn 4,89 có thể thấy công ty đã giảm khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Để đảm bảo khả năng thanh toán nhanh đến hạn trả, công ty nên quan tâm tới công tác thu hồi nợ bằng các chính sách để bổ sung thêm vào các khoản tiền. Ngoài ra công ty cũng có thể tăng các khoản chiếm dụng vốn từ các nhà cung cấp để thanh toán các khoản nợ đến hạn và sử dụng vào hoạt động kinh doanh của công ty một cách hiệu quả.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

3.2.2.3/ Ý kiến thứ 3- Công ty nên mạnh dạn đi vay để mở rộng quy mô hoạt động

Cơ cấu vốn trong doanh nghiệp có ảnh hưởng quyết định đến khả năng thực thi các chiến lược kinh doanh, hiệu quả kinh tế và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Nhưng tìm được một cơ cấu vốn tối ưu không phải là chuyện dễ dàng. Trong bối cảnh nền kinh tế đang gặp khó khăn, nhiều công ty trong các lĩnh vực khác nhau đang gặp khó khăn về tiếp cận nguồn vốn hoặc phải chịu gánh nặng chi phí tài chính thì tình hình tài chính của Công ty dịch vụ vận tải Tân Thuận tương đối tốt. Tỷ lệ nợ của công ty thấp với hệ số tổng nợ phải trả/tổng tài sản cuối năm 2013 là 12,19% biến động so với đầu năm 2013 (tăng 6,79% so với đầu năm hệ số nợ là 5,4%). Tỷ lệ nợ thấp tương ứng với hệ số tài trợ (vốn chủ sở hữu) của công ty là khá cao, đầu năm 2013 là 94,59%, cuối năm 2013 là 87,8% (số liệu bảng phân tích tình hình biến động nguồn vốn), có thể kết luận công ty đã sử dụng nguồn huy động vốn chủ yếu là vốn chủ sở hữu. Điều này tạo cho công ty có lợi thế độc lập về tài chính, gặp ít rủi ro hơn; tuy nhiên lại có một số hạn chế như đòn bẩy tài chính không cao, chi phí sử dụng vốn cao hơn khi sử dụng ít nợ, và điều quan trọng nhất là công ty không có điều kiện để mở rộng quy mô, hoạt động.

Để xem xét và hiểu rõ hơn về tình hình cấu trúc tài chính của công ty dịch vụ vận tải Tân Thuận trong năm 2013, ta sẽ đi vào phân tích một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Về chỉ tiêu vốn vay/ tổng nguồn vốn, cả đầu năm 2013 và cuối năm 2013 đều chiếm 1 tỷ trọng nhỏ, đầu năm hơn 5,2% và cuối năm là 12,2%. Cuối năm 2013 đã có sự tăng đáng kể về vốn vay, cụ thể vốn vay ngắn hạn đã tăng từ 155.400.000 đồng lên 423.250.000 đồng. Điều đáng nói hơn là trong năm công ty không có các khoản nợ vay dài hạn nào. Điều này đảm bảo cho doanh nghiệp có rủi ro thấp trong việc chi trả các khoản chi phí lãi vay, cho thấy rằng doanh nghiệp đang có chính sách tài chính an toàn.

Chỉ tiêu phải trả người bán/ tổng nguồn vốn luôn chiếm tỉ trọng 0%. Tỉ lệ này luôn được duy trì ở cả đầu năm và cuối năm 2013 nên không có sự biến động đáng kể. Điều này cho thấy, doanh nghiệp không có chính sách chiếm dụng vốn cho hoạt động kinh doanh. Điều này không mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, cần phải cân nhắc và xem xét vấn đề về phía các nhà cung cấp. Nếu như phía các nhà cung cấp là bạn làm ăn lâu dài và có sự tin tưởng lẫn nhau

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

thì công ty nên có chính sách chiếm dụng vốn để đẩy mạnh hoạt động của doanh nghiệp, còn nếu doanh nghiệp thường xuyên thay đổi nhà cung cấp hoặc có sự e dè trong các quyết định cung cấp từ phía đối tác thì cần phải suy xét kỹ để đảm bảo cho nguồn cung cấp nguyên liệu sau này.

Tóm lại: Công ty đã sử dụng chính sách huy động vốn an toàn, sử dụng nguồn vốn tự tài trợ là chủ yếu, với tình hình hoạt động kinh doanh tốt nên nguồn lợi nhuận được giữ lại để tái đầu tư và bổ sung các quỹ cũng tăng lên đáng kể, xét về mặt tích cực đây là một dấu hiệu tốt của doanh nghiệp, nhưng điều này chứng tỏ công ty chưa mạnh dạn vay vốn để tăng quy mô hoạt động kinh doanh cũng như mở rộng địa bàn hoạt động. Đây là hạn chế vì một công ty đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh với các dịch vụ được tiêu thụ ổn định lại chỉ sử dụng chưa đến 20% vốn vay trên tổng nguồn vốn. Vì thế trong thời gian tới doanh nghiệp nên tăng hiệu quả sử dụng vốn của mình bằng cách tăng khả năng chiếm dụng vốn SXKD của đơn vị bạn và mạnh dạn vay vốn để tăng quy mô hoạt động của công ty. Hiện lãi suất đang giảm mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn giả rẻ hơn, đây là cơ hội tốt để công ty mở rộng quy mô của mình. Tuy nhiên công ty cũng nên cân nhắc lợi ích từ vốn vay, các rủi ro tài chính và chi phí lãi vay, tránh vay vốn không phải để tăng quy mô SXKD mà để đầu tư trái ngành, đầu tư tài chính...

3.2.2.4/ Ý kiến thứ 4- Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán

Ngày nay, công nghệ thông tin đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế đất nước nói chung cũng như đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng. Việc tin kế toán áp dụng công nghệ thông tin vào công tác hạch toán kế toán cụ thể là các phần mềm kế toán có ý nghĩa rất lớn trong việc hỗ trợ các kế toán viên vừa đảm bảo đúng tiến độ hoàn thành, tính chính xác của các thông tin kế toán, giảm bớt được thời gian mà kế toán phải bỏ ra trong công việc lập BCTC, giúp cho công tác lập được nhanh và chính xác hơn.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp vừa dễ sử dụng và giá cả phù hợp. Có thể kể đến những phần mềm hay được sử dụng như MISA, Fast Accounting, BRAVO, Metadata Accounting, G9 ACCOUNTING 2014, CNS Accounting

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Phần mềm Kế toán MISA (phiên bản SME.NET 2012)

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

Do tất cả số liệu chỉ nằm trên một dữ liệu kế toán duy nhất, nên sẽ tiết kiệm rất nhiều thời gian và tránh bị sai sót trong khâu tổng hợp báo cáo từ các chi nhánh, đại lý, cửa hàng. Người dùng có thể làm việc, xem các báo cáo, truy xuất dữ liệu ... dù ở bất cứ khi nào, bất cứ nơi đâu. Các báo cáo kế toán luôn được cập nhật liên tục và tức thời, bảo đảm việc đưa ra các quyết định một cách nhanh chóng nhất giúp mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp. Khi sử dụng tính năng online của phần mềm MISA SME.NET 2012 thì cuối tháng kế toán chỉ cần vào báo cáo và in ra các báo cáo tài chính hợp nhất.

Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Giao diện của phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012



Phần mềm kế toán Metadata Accounting

Phần mềm kế toán MetaData Accounting được phát triển trên công nghệ tiên tiến, xử lý dữ liệu liên hoàn và khép kín, vì vậy số liệu nhập vào phần mềm luôn trong trạng thái nhất quán, mà vẫn đảm bảo tốc độ cập nhật chứng từ và đưa ra báo cáo nhanh nhất. Với nhiều tiện ích độc đáo, phần mềm kế toán MetaData đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình quản lý kế toán và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ứng dụng được cấu trúc một cách khoa học, giúp người dùng làm việc thuận tiện nhất. Sản phẩm phù hợp cho hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại, Dịch vụ, Sản xuất, Xây dựng, Xuất/Nhập khẩu...

MetaData Accounting không những đáp ứng yêu cầu cơ bản về Quản lý Tài chính Kế toán của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho Nhà Quản trị các Giải pháp Quản lý Toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

lân tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán, ... và được MetaData Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.

Chương trình được phát triển trên công nghệ tiên tiến mang tính chuyên nghiệp cao, sử dụng hệ cơ sở dữ liệu Client/Server InterBase/FireBird có thể chạy trên một máy độc lập hay trên mạng nội bộ LAN và Internet, cùng với khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn (hàng triệu phát sinh .) đáp ứng nhiều người cùng sử dụng một lúc. Phù hợp với hầu hết các Doanh nghiệp có quy mô lớn nhỏ khác nhau, xa cách về mặt địa lý.

1. Thỏa mãn Tiêu chuẩn Phân mềm Kế toán theo thông tư Số 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phân mềm kế toán.

2. Sử dụng font Unicode, tuân thủ quy định của Chính phủ theo Tiêu chuẩn TCVN 6909:2001

3. Luôn cập nhật kịp thời các thay đổi mới nhất về chế độ kế toán và báo cáo thuế:
+ Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
+ Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

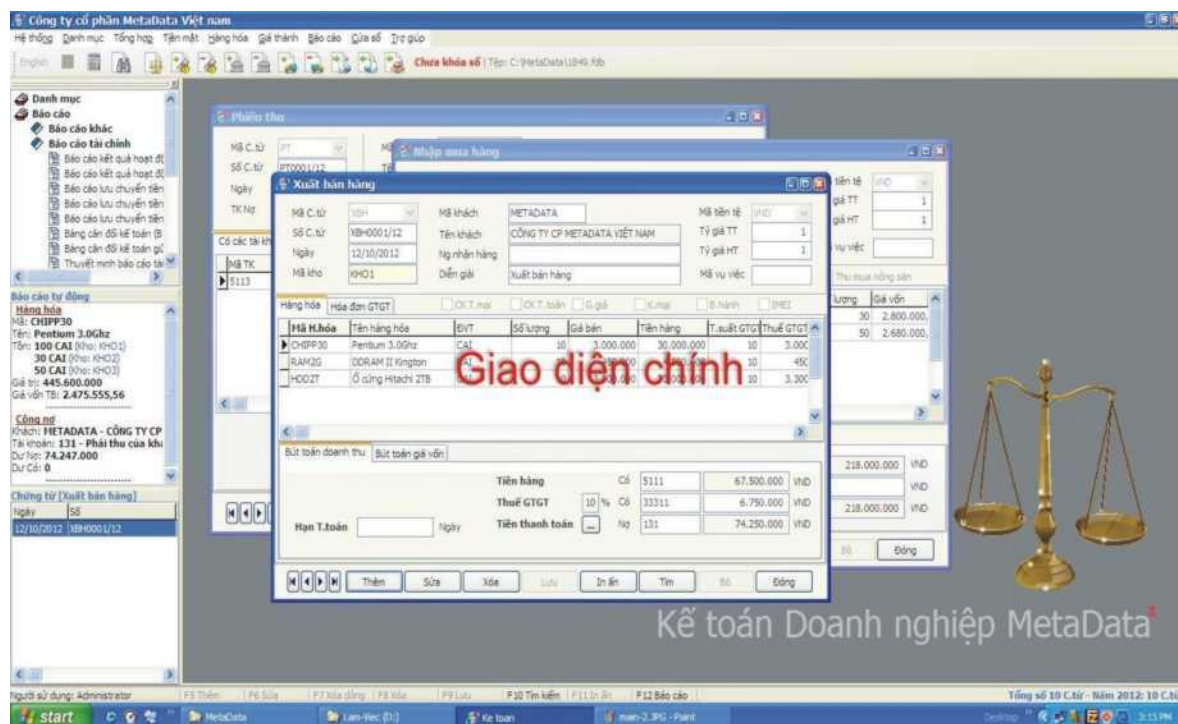
4. Hỗ trợ Hình thức sổ kế toán:

+ Kế toán máy
+ Nhật ký Chung + Nhật ký - Chứng từ

5. Chạy trên các hệ điều hành Windows 2000/NT/XP/Vista/Win7

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Giao diện của phần mềm kế toán Metadata accounting



Phần mềm kế toán BRAVO

BRAVO được xây dựng theo từng phân hệ (module) nhằm mục đích trợ giúp và quản lý các hệ thống quy trình quản lý SXKD của doanh nghiệp trên phần mềm (Quản lý và hoạch định tài nguyên doanh nghiệp). Các phân hệ này được thiết kế thành một thể thống nhất có tính liên kết, kế thừa dữ liệu nhưng cũng có thể hoạt động độc lập. Trong mỗi phân hệ lớn trên sẽ gồm việc nhiều công đoạn và chức năng nhỏ khác.

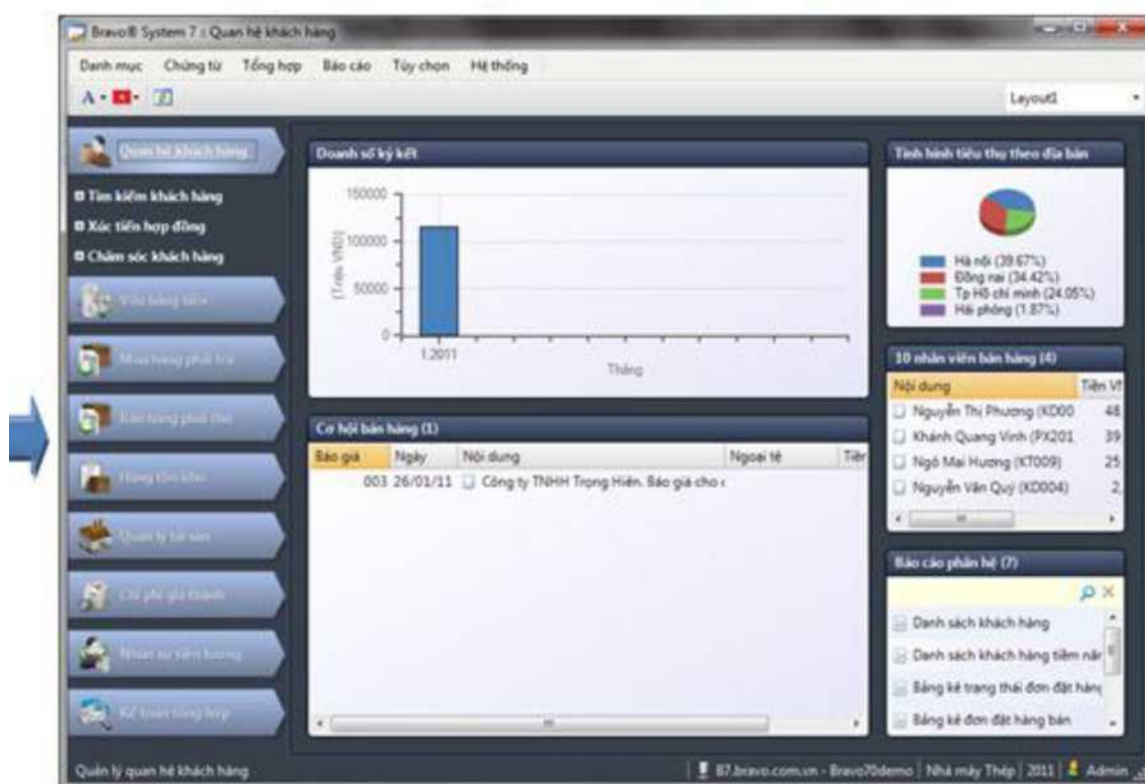
Phần mềm Bravo có nhiều tính năng nổi trội. Thứ nhất, phần mềm Bravo cho phép doanh nghiệp triển khai hiệu quả các phân hành thuộc nghiệp vụ kế toán như theo dõi sổ sách kế toán, nắm rõ việc chi thu - mua bán hàng hoá, quản lý tài sản và hàng tồn kho, tính giá thành sản phẩm ... Đặc biệt, phần mềm Bravo cho phép liên kết dữ liệu số liệu, có chức năng tìm và tự sửa lỗi dữ liệu, tự sao lưu số liệu theo lịch đã lập.. Thứ hai, Bravo là một trong số ít nhà cung cấp hướng theo hình thức customize, tức cho phép phần mềm được hiệu chỉnh tự do. Vì thế, từ phần mềm cơ bản là Bravo 6.3, sẽ tùy nhu cầu của doanh nghiệp để xây dựng chương trình riêng.

Tuy nhiên, điểm nổi bật của Bravo chính là tính ổn định của chương trình, sự đơn giản và dễ sử dụng; Ngoài ra, phần mềm cho phép chạy mạng đa người dùng (Mạng LAN, Mạng WAN), bảo mật và phân quyền chi tiết.

Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Giao diện của phần mềm kế toán BRA VO

Minh họa: Màn hình chính của phần mềm BRAVO



Phần mềm kế toán FAST

Phần mềm Fast Accounting: Đây là phần mềm hướng đến doanh nghiệp vừa và nhỏ. Mỗi năm, phần mềm này được nâng cấp và cho ra những phiên bản mới với nhiều tính năng và tiện ích. Fast Accounting 2009 đã cập nhật chế độ tài chính, kế toán và thuế mới nhất. Ngoài ra, Fast Accounting 2009 cho phép doanh nghiệp theo dõi dòng tiền, quản lý công nợ; quản lý hàng tồn kho; Cung cấp các chương trình tính giá thành bằng nhiều phương pháp. Cho phép quản lý số liệu liên năm; quản lý số liệu của nhiều đơn vị cơ sở, nhiều thời kỳ khác nhau. Fast Accounting cũng có tính mềm dẻo, khả năng bảo mật, có thể chạy trên nhiều mạng như Windows Server hoặc Novell Netware. Ngoài ra, phần mềm còn có tính đa tác vụ, tự động hoá xử lý số liệu, tiện ích nhập liệu, hỗ trợ tốc độ lập báo cáo.

Phần mềm Fast Business: Là phần mềm áp dụng cho doanh nghiệp vừa ứng dụng nghiệp vụ trong phòng kế toán, vừa mở rộng quản lý ra toàn doanh nghiệp, phục vụ tất cả các phòng ban. Fast Business bao gồm Fast Financial: bộ chương trình về quản lý sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu; Fast HRM: quản lý nhân sự, lương; Fast CRM: bộ chương trình về quản lý khách hàng

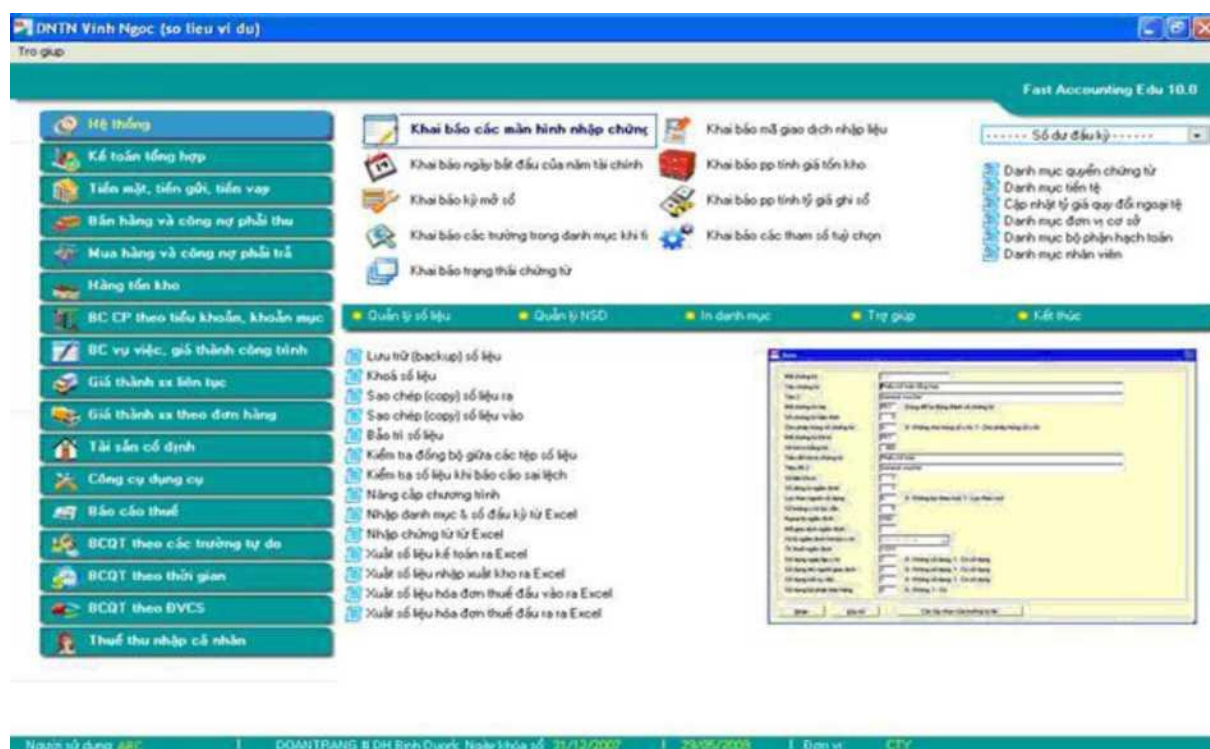
Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Phần mềm Fast Financial: Đây là phần mềm kết hợp giữa Fast Accounting và Fast Business. Phần mềm được dự báo sẽ bán chạy trong thời gian tới do tính năng đầy đủ, lại sử dụng kỹ thuật và công nghệ cao từ Fast Business. Đặc biệt, giá thành của Fast Accounting S lại không chênh lệch bao nhiêu so với giá phần mềm Fast Accounting (khoảng 1000 USD cho máy chủ, 200 USD mỗi máy trạm)

Phần mềm Fast Book: ra đời cuối năm 2007. Phần mềm này có 11 phân hệ như quản trị hệ thống, kế toán tổng hợp. Fast Book được thiết kế đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn theo chuẩn mực của Bộ Tài Chính nhằm phục vụ cho doanh nghiệp mới khởi nghiệp, doanh nghiệp quy mô nhỏ.

Hiện nay, giá của một phần mềm FAST được bán trên thị trường rẻ nhất là 3.500.000 (sản phẩm và dịch vụ - phần mềm FAST book)

Giao diện phần mềm kế toán FAST



KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận về công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán, em nhận thấy được vai trò hết sức quan trọng của những thông tin mà Bảng cân đối kế toán mang lại cũng như những thông tin tài chính từ việc phân tích đối với chủ Doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm khác. Vì vậy, em đã chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận ” làm đề tài khóa luận. Đề tài đã giải quyết được một số vấn đề sau:

- ✓ Về mặt lý luận: Đưa ra những nhận thức về Bảng cân đối kế toán, về phân tích Bảng cân đối kế toán, và sự cần thiết phải lập và phân tích Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp
- ✓ Về mặt thực tiễn: Phản ánh thực tế công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Từ đó, đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại đơn vị thực tập, đồng thời đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác Lập và phân tích bảng cân đối kế toán ở công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận

Do thời gian và kiến thức có hạn nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những sai sót và hạn chế nhất định. Kính mong nhận được sự góp ý và giúp đỡ của các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của *Giảng viên-Thạc sỹ Văn Hồng Ngọc*, các thầy cô giáo Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ kế toán của công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận

Em xin chân thành cảm ơn

Sinh viên

Phạm Thị Phương Thảo

**Hoàn thiện công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán
tại công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Thuận**

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Vũ Văn Nhị (2010). *Hướng dẫn lập, đọc và phân tích báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị*. NXB Tài chính.
2. TS.Phan Đức Dũng.2010. *Phân tích báo cáo tài chính và định giá trị doanh nghiệp*. NXB Thống kê.
3. *Chế độ kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ*.2012. NXB Tài chính.
4. *Chế độ kế toán Doanh nghiệp*.2009.NXB Thống kê
5. Quyết định 15/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ kế toán của doanh nghiệp.
6. Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ kế toán của doanh nghiệp vừa và nhỏ.
7. Thông tư 138/2011/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Nhỏ và vừa ban hành kèm theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC
8. Tài liệu sổ sách, Báo cáo tài chính được cung cấp bởi Công ty TNHH Dịch vụ vận tải Tân Thuận
9. Thông tin từ website: www.webketoan.vn, www.misa.com.vn, <http://lib.hpu.edu.vn/>